

Số: /KH-UBND

Phú Yên, ngày tháng 02 năm 2021

KẾ HOẠCH

Về phát triển bền vững, tăng trưởng xanh tỉnh Phú Yên năm 2021

Căn cứ Quyết định số 1273/QĐ-UBND ngày 21/6/2018 của UBND tỉnh Phú Yên về việc ban hành kế hoạch hành động của tỉnh Phú Yên thực hiện chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững, Quyết định số 1633/QĐ-UBND ngày 10/10/2019 của UBND tỉnh Phú Yên ban hành Lộ trình Phát triển bền vững tỉnh Phú Yên đến năm 2030, Kế hoạch số 45/KH-UBND ngày 25/02/2020 của UBND tỉnh thực hiện Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 19/11/2019 của Thủ tướng Chính phủ về các giải pháp thúc đẩy tăng trưởng và phát triển bền vững Vùng miền Trung trên địa bàn tỉnh Phú Yên, Kế hoạch số 101/KH-UBND ngày 26/5/2020 Kế hoạch giám sát, đánh giá thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững tỉnh Phú Yên đến năm 2030.

Trên cơ sở kết quả hoạt động năm 2020 về phát triển bền vững, tăng trưởng xanh tỉnh Phú Yên (*Phần phụ lục*). UBND tỉnh ban hành kế hoạch phát triển bền vững, tăng trưởng xanh tỉnh Phú Yên năm 2021, với những nội dung chủ yếu như sau:

1. Mục tiêu

Triển khai thực hiện đầy đủ, hiệu quả Kế hoạch hành động của tỉnh Phú Yên thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững, Lộ trình thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững tỉnh Phú Yên đến năm 2030, Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh tỉnh Phú Yên giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn đến 2025. Đảm bảo kinh tế phát triển nhanh và bền vững đi đôi với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, bảo vệ môi trường sinh thái, quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu; đảm bảo mọi người dân được phát huy mọi tiềm năng tham gia, với thụ hưởng bình đẳng thành quả của phát triển. Phát triển các ngành kinh tế trọng điểm theo hướng xanh hóa. Xây dựng lối sống thân thiện với môi trường.

2. Định hướng và giải pháp

2.1. Các mục tiêu phát triển bền vững, tăng trưởng xanh được thực hiện xuyên suốt quá trình phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Phú Yên. Đảm bảo tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững đi đôi với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, bảo vệ môi trường sinh thái, quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu; bảo đảm mọi người dân được phát huy mọi tiềm năng, tham gia và thụ hưởng bình đẳng thành quả của phát triển.

2.2. Huy động mọi nguồn lực thực hiện thắng lợi 17 mục tiêu chung với 108 mục tiêu cụ thể trong Kế hoạch hành động tỉnh Phú Yên thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững. Theo đó:

- Đến năm 2030 cơ bản không còn hộ nghèo; đảm bảo an ninh lương thực, cải thiện dinh dưỡng; bảo đảm cuộc sống khỏe mạnh và tăng cường phúc lợi cho mọi người ở mọi lứa tuổi; đảm bảo nền giáo dục có chất lượng, công bằng, toàn diện và thúc đẩy các cơ hội học tập suốt đời cho tất cả mọi người; đạt được bình đẳng giới, tăng quyền và tạo cơ hội cho phụ nữ và trẻ em gái; giảm bất bình đẳng trong xã hội; thúc đẩy xã hội hòa bình, dân chủ, công bằng, bình đẳng, văn minh vì sự phát triển bền vững, tạo khả năng tiếp cận công lý cho tất cả mọi người; xây dựng các thể chế hiệu quả, có trách nhiệm giải trình và có sự tham gia ở các cấp.

- Tăng trưởng kinh tế bền vững, toàn diện, liên tục; tạo việc làm đầy đủ, năng suất và việc làm tốt cho tất cả mọi người; xây dựng cơ sở hạ tầng có khả năng chống chịu cao; đảm bảo sản xuất và tiêu dùng bền vững; phát triển đô thị, nông thôn bền vững, có khả năng chống chịu; đảm bảo môi trường sống và làm việc an toàn; phân bổ hợp lý dân cư và lao động theo vùng.

- Đảm bảo quản lý bền vững tài nguyên nước và hệ thống vệ sinh cho tất cả mọi người; đảm bảo khả năng tiếp cận nguồn năng lượng bền vững, đáng tin cậy và có khả năng chi trả cho tất cả mọi người; ứng phó kịp thời, hiệu quả với biến đổi khí hậu và thiên tai; bảo tồn và sử dụng bền vững đại dương, biển và nguồn lợi biển để phát triển bền vững; bảo vệ và phát triển rừng bền vững, bảo tồn đa dạng sinh học, phát triển dịch vụ hệ sinh thái, chống sa mạc hóa, ngăn chặn suy thoái và phục hồi tài nguyên đất.

2.3. Thực hiện có hiệu quả Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh, hỗ trợ phát triển kinh tế nhanh và bền vững, với trọng tâm là hướng đến nền kinh tế carbon thấp, giảm phát thải và tăng khả năng hấp thụ khí nhà kính, làm giàu vốn tự nhiên, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả năng lượng, tài nguyên thiên nhiên. Phát triển các ngành kinh tế trọng điểm theo hướng xanh hóa. Cải thiện các vấn đề môi trường, nâng cao chất lượng cuộc sống người dân và chất lượng cảnh quan. Xây dựng lối sống thân thiện với môi trường. Nâng cao khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu.

2.4. Nâng cao năng lực, nhận thức và tăng cường sự tham gia của cộng đồng

- Rà soát, chỉnh sửa, bổ sung nội dung các văn bản quy phạm pháp luật, các quy hoạch, kế hoạch đã được ban hành của tỉnh đảm bảo phù hợp với các mục tiêu , định hướng phát triển bền vững, tăng trưởng xanh, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu. Chú trọng trong quá trình xây dựng Quy hoạch tỉnh đến năm 2030, tầm nhìn đến 2050 phải được xây dựng trên nền tảng phát triển bền vững, tăng trưởng xanh, coi đó là một tiêu chí quan trọng khi phê duyệt các văn bản này.

- Phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao ở các lĩnh vực để phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội theo các mục tiêu phát triển bền vững,

tăng trưởng xanh. Đẩy mạnh hợp tác, tài trợ quốc tế đa phương và song phương về xây dựng mô hình phát triển bền vững, tăng trưởng xanh, mô hình sinh thái, phát triển nguồn nhân lực... Chú trọng liên kết phát triển khoa học, công nghệ của tỉnh với các tỉnh trong khu vực và cả nước. Tăng đầu tư cho nâng cao năng lực của hệ thống quản lý nhà nước về phát triển bền vững, tăng trưởng xanh.

- Huy động sự tham gia của cả hệ thống chính trị, các cấp, các ngành, địa phương, cộng đồng doanh nghiệp, tổ chức chính trị - xã hội, cộng đồng dân cư trong thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững, tăng trưởng xanh trên địa bàn tỉnh. Tăng cường các hoạt động tuyên truyền vận động, nâng cao nhận thức và hành động về phát triển bền vững, tăng trưởng xanh đến cộng đồng dân cư, cộng đồng doanh nghiệp. Nghiên cứu, lựa chọn, lồng ghép các nội dung giảng dạy về phát triển bền vững, tăng trưởng xanh, công nghệ xanh, khai thác tài nguyên bền vững... vào các cấp học, bậc học phù hợp. Tăng cường vai trò của Đoàn đại biểu quốc hội tỉnh, Hội đồng nhân dân, Ủy ban Mặt trận tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội trong việc giám sát thực hiện và phản biện xã hội trong quá trình triển khai thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững

3. Các nhiệm vụ chủ yếu

3.1. Triển khai các nhiệm vụ phát triển bền vững Chính phủ giao

a. Kế hoạch số 45/KH-UBND ngày 25/02/2020 của UBND tỉnh thực hiện Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 19/11/2019 của Thủ tướng Chính phủ về các giải pháp thúc đẩy tăng trưởng và phát triển bền vững Vùng miền Trung trên địa bàn tỉnh Phú Yên

- **Sở Kế hoạch và Đầu tư** (*Cơ quan thường trực BCD Phát triển bền vững*): Giúp UBND tỉnh theo dõi tình hình thực hiện Kế hoạch số 45/KH-UBND ngày 25/02/2020 của UBND tỉnh. Tổng hợp, trình UBND tỉnh báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Thủ tướng Chính phủ.

- **Các sở, ban, ngành, UBND huyện, thị xã, thành phố**: Căn cứ nhiệm vụ được phân công trong Kế hoạch số 45/KH-UBND tập trung mọi nguồn lực để thực hiện hiệu quả những nhiệm vụ được giao. Định kỳ 6 tháng, năm gửi báo cáo tình hình thực hiện Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 19/11/2019 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Phú Yên năm 2020, về sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo.

b. Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 136/NQ-CP ngày 25/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phát triển bền vững trên địa bàn tỉnh Phú Yên

Các sở, ban, ngành, UBND huyện, thị xã, thành phố: Tổ chức thực hiện đạt hiệu quả cao các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đề ra trong Kế hoạch để thúc đẩy việc đạt được các mục tiêu phát triển bền vững được xác định trong Kế hoạch hành động của tỉnh Phú Yên thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững.

3.2. Giám sát, đánh giá thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững tỉnh Phú Yên đến năm 2030 theo Kế hoạch số 101/KH-UBND của UBND tỉnh Phú Yên ngày 26/5/2020

- **Sở Kế hoạch và Đầu tư:** Tổng hợp tham mưu UBND tỉnh xây dựng báo cáo giám sát đánh giá thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững hằng năm trên địa bàn tỉnh gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- **Các sở, ban, ngành, UBND huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan:** Căn cứ vào nhiệm vụ, nội dung được phân công trong Kế hoạch số 101/KH-UBND tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả những nhiệm vụ được giao. Định kỳ chậm nhất ngày 05 tháng 12 hàng năm gửi báo cáo giám sát, đánh giá tình hình thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững về Sở kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo.

3.3. Thực hiện lồng ghép các mục tiêu phát triển bền vững vào Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Phú Yên

Các sở, ban, ngành, UBND huyện, thị xã, thành phố: chủ động thực hiện việc lồng ghép các mục tiêu phát triển bền vững trong quá trình xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021, năm 2022; Quy hoạch tỉnh Phú Yên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, quy hoạch một số ngành kỹ thuật theo Luật Quy hoạch. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc cần chủ động đề xuất, kiến nghị để Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, giải quyết.

3.4. Thực hiện các hoạt động truyền thông, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức của toàn xã hội về các nội dung Kế hoạch hành động của tỉnh Phú Yên thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững, Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh tỉnh Phú Yên giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn đến 2025

- **Sở Thông tin và Truyền thông, Đài phát thanh - Truyền hình tỉnh, Báo Phú Yên và các cơ quan thông tin truyền thông:** Thông tin, phản ánh kịp thời các mô hình, điển hình về việc triển khai thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững, nhiệm vụ tăng trưởng xanh. Tuyên truyền, vận động, huy động sự tham gia của cộng đồng doanh nghiệp và các tầng lớp nhân dân trong việc triển khai thực hiện các kế hoạch hành động của tỉnh về phát triển bền vững và tăng trưởng. Xây dựng, duy trì thường xuyên chuyên đề, chuyên mục và lồng ghép nội dung phát triển bền vững, tăng trưởng xanh trong các chương trình, chuyên đề, chuyên mục nhằm đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho nhân dân, toàn xã hội về các mục tiêu phát triển bền vững, tăng trưởng xanh.

Tiếp tục huy động và phối hợp sự tham gia của các tổ chức đoàn thể⁽¹⁾ trên địa bàn tỉnh, đồng thời định hướng các cơ quan báo chí, chỉ đạo các đơn vị Đài truyền thanh cơ sở trong công tác truyền thông về phát triển bền vững trên địa bàn tỉnh.

- **Sở Kế hoạch và Đầu tư:** Tổ chức các lớp Hội thảo, tập huấn tăng cường năng lực cho các sở, ban, ngành, huyện, thị xã, thành phố, các tổ chức, đơn vị, các doanh nghiệp trong việc thực hiện, lồng ghép, theo dõi, đánh giá các mục tiêu phát triển bền vững, tăng trưởng xanh.

- **Sở Tài nguyên và Môi trường:** Tăng cường sự tham gia của cộng đồng trong bảo vệ môi trường, thích ứng biến đổi khí hậu. Tăng cường vai trò giám sát của cộng đồng trong quá trình triển khai, áp dụng các quy định, chính sách về môi trường và cộng đồng trực tiếp tham gia giải quyết các vụ việc về môi trường; biểu dương khen thưởng các cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường.

- **Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:** Triển khai, nhân rộng hiệu quả các mô hình phát triển bền vững, gắn đào tạo nghề cho lao động nông thôn với giải quyết việc làm; đào tạo nghề đáp ứng với nhu cầu xã hội và doanh nghiệp; lồng ghép các mô hình giảm nghèo bền vững. Tích cực tuyên truyền vận động, đẩy mạnh chương trình xuất khẩu lao động, phấn đấu đạt chỉ tiêu đề ra.

- **Sở Khoa học và Công nghệ:** Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về sở hữu trí tuệ, bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, xây dựng các tiêu chí, chính sách để hỗ trợ xác lập và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ; tiếp tục xây dựng thương hiệu và thương mại hóa các sản phẩm truyền thống của Tỉnh.

- **Sở Công Thương:** Tuyên truyền, khuyến khích các doanh nghiệp thay đổi các thiết bị lạc hậu tốn nhiều năng lượng và thải nhiều khí thải để đầu tư các dây chuyền, máy móc hiện đại hơn.

- **Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:** Tăng cường nâng cao nhận thức cho người dân, nhất là các chủ thể sản xuất kinh doanh nông nghiệp về sản xuất nông nghiệp an toàn, bền vững, đảm bảo chất lượng sản phẩm, bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng, bảo vệ môi trường sinh thái; nâng cao nhận thức, năng lực và thể chế trong cảnh báo sớm, ứng phó với biến đổi khí hậu và giảm nhẹ rủi ro thiên tai; ngăn chặn có hiệu quả tình trạng phá rừng khai thác rừng trái phép nhằm bảo vệ rừng tự nhiên, rừng đặc dụng, rừng phòng hộ.

- **Hội doanh nghiệp tỉnh Phú Yên:** Tuyên truyền nhân rộng trong cộng đồng doanh nghiệp việc áp dụng bộ chỉ số doanh nghiệp bền vững (CSI) theo thông lệ quốc tế và tham gia “Chương trình đánh giá, công bố các doanh nghiệp bền vững tại Việt Nam” do Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), Hội đồng doanh nghiệp vì sự phát triển bền vững Việt Nam (VBCSD-VCCI) tổ chức hằng năm.

¹ Mặt trận Tổ quốc, Liên đoàn Lao động, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên, Hội cựu Chiến binh, Hội Nông dân, Hội Sinh viên...

- **Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố:** Tuyên truyền, quán triệt và tổ chức thực hiện có hiệu quả kế hoạch phát triển bền vững, tăng trưởng xanh của đơn vị. Tổ chức tuyên truyền sâu rộng trong cán bộ, công chức, người dân về nội dung Kế hoạch phát triển bền vững, tăng trưởng xanh của tỉnh và của ngành, địa phương.

3.5. Phát triển nguồn nhân lực trong lĩnh vực phát triển bền vững, tăng trưởng xanh, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao ở các lĩnh vực để phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội hướng đến các mục tiêu phát triển bền vững, tăng trưởng xanh, chú trọng đến đội ngũ cán bộ lãnh đạo, hoạch định chính sách. Tăng cường liên kết, hợp tác đào tạo nhân lực. Gắn đào tạo với sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực xã hội. Xây dựng quy chế liên kết giữa các cơ sở đào tạo với doanh nghiệp để đào tạo và tuyển dụng vào làm việc tại doanh nghiệp

- **Sở Giáo dục và Đào tạo:** Đầu tư cơ sở vật chất trường lớp học theo hướng chuẩn hóa, hiện đại.

- **Sở Nội vụ:** Nâng cao chất lượng, hiệu quả chính sách đào tạo sau đại học, chính sách thu hút sử dụng trí thức, góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức; chú trọng đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng quản lý, lãnh đạo, điều hành đối với cán bộ, công chức cấp xã nhằm đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế và xây dựng nông thôn mới.

- **Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:** Tăng cường quản lý, nâng cao chất lượng đào tạo nghề, gắn đào tạo với nhu cầu xã hội. Ưu tiên đào tạo, phát triển nguồn nhân lực có trình độ, kỹ năng đáp ứng yêu cầu của Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Phối hợp với các ngành chức năng tiến hành kiểm tra, thanh tra việc thực hiện Bộ luật lao động ở các doanh nghiệp nhằm bảo vệ quyền lợi chính đáng của người lao động và lợi ích hợp pháp của người sử dụng lao động. Tìm hiểu, dự báo và nắm chắc nhu cầu sử dụng lao động ở các doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất để xác định việc đào tạo nghề cho người lao động phù hợp. Gắn đào tạo nghề với giải quyết việc làm theo hướng đáp ứng nhu cầu của các khu công nghiệp, cho các làng nghề, cho nhu cầu chung của xã hội và cho xuất khẩu lao động.

- **Sở Kế hoạch và Đầu tư:** Đẩy mạnh nâng cao nhận thức và hỗ trợ chuyển đổi sản xuất xanh ở khu vực doanh nghiệp nhỏ và vừa: Hỗ trợ đào tạo doanh nghiệp về sản xuất xanh; hình thành đội ngũ chuyên gia hỗ trợ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

3.6. Tăng cường và huy động các nguồn tài chính trong và ngoài nước⁽²⁾ để triển khai thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững, các nhiệm vụ tăng trưởng xanh.

² Huy động nhiều nguồn vốn đầu tư khác nhau, bao gồm từ các nguồn: Ngân sách Nhà nước, huy động từ các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh, vốn đóng góp của nhân dân, các tổ chức kinh tế, các nguồn hỗ trợ phát triển chính thức, các nguồn tài trợ của các tổ chức quốc tế, cá nhân trong và ngoài nước, các nguồn huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

- **Sở Kế hoạch và Đầu tư** cùng với các tổ chuyên môn, các sở, ban, ngành và Văn phòng Phát triển bền vững tổ chức các hội nghị vận động các tổ chức xã hội, các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh có cơ sở đóng trên địa bàn, các tổ chức kinh tế, các nguồn hỗ trợ phát triển chính thức, nguồn tài trợ của các tổ chức quốc tế, cá nhân trong và ngoài nước tham gia xây dựng các mô hình phát triển bền vững trên địa bàn tỉnh hỗ trợ các địa phương xây dựng một số mô hình phát triển bền vững. Đề xuất các cơ chế, chính sách thu hút nguồn lực từ mọi thành phần trong xã hội, đặc biệt từ các cộng đồng doanh nghiệp cho phát triển bền vững.

- **Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:** Kêu gọi, khuyến khích hỗ trợ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất nông sản theo chuỗi khép kín, gắn sản xuất với bảo quản và chế biến, tiêu thụ sản phẩm.

- **Sở Khoa học và Công nghệ:** Đẩy mạnh khuyến khích doanh nghiệp thành lập các quỹ phát triển khoa học và công nghệ để hỗ trợ phát triển công nghệ mới, công nghệ cao. Tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp trong quản lý và sử dụng quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp.

- **Ban Quản lý Khu kinh tế:** Khuyến khích và tập trung thu hút đầu tư các ngành nghề vào Khu kinh tế và các Khu công nghiệp theo hướng ưu tiên các ngành công nghiệp có tiềm năng, công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp chế biến, chế tạo, công nghiệp phục vụ nông nghiệp thân thiện với môi trường, những ngành công nghiệp sạch, ít ô nhiễm... đảm bảo cơ cấu ngành nghề phù hợp với khả năng và thực tế giải quyết ô nhiễm của địa phương.

- **Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Phú Yên:** Phối hợp với các Sở, ngành liên quan triển khai có hiệu quả Chương trình kết nối Ngân hàng – Doanh nghiệp, tăng cường đối thoại giữa các ngân hàng và khách hàng nhằm giải quyết các khó khăn, vướng mắc của khách hàng liên quan đến tiền tệ, hoạt động ngân hàng, hỗ trợ doanh nghiệp phát triển. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các hoạt động về thúc đẩy, phát triển tín dụng xanh, ngân hàng xanh theo chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

3.7. Cải thiện các vấn đề môi trường, nâng cao chất lượng cuộc sống người dân và chất lượng cảnh quan. Xây dựng lối sống thân thiện với môi trường. Nâng cao khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu.

- **Sở Kế hoạch và Đầu tư:** Hỗ trợ, hình thành “cộng đồng” các doanh nghiệp sản xuất và dịch vụ có môi liên hệ mật thiết trên cùng một lợi ích, hướng tới một hoạt động mang tính xã hội, kinh tế và môi trường chất lượng cao, thông qua sự hợp tác trong việc quản lý các vấn đề về môi trường và nguồn tài nguyên.

- **Sở Tài nguyên và Môi trường:** Phối hợp với các Sở, ban ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố trong công tác giám sát môi trường nhằm tăng cường hiệu quả bảo vệ môi trường: Rà soát các cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh, có phương án kiểm soát môi trường, đặc biệt chú ý công tác dự báo và kiểm soát

các điểm nóng trên địa bàn tỉnh; tăng cường kiểm tra, giám sát hoạt động của các hệ thống xử lý đặc biệt trong các giai đoạn cải tạo hệ thống xử lý, bắt buộc phải xử lý đạt quy định trước khi xả thải ra môi trường; tiếp tục tăng cường triển khai Quy định quản lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh Phú Yên;...

- **Sở Công Thương:** Hỗ trợ phát triển công nghiệp theo hướng nâng cao chất lượng; đẩy mạnh áp dụng công nghệ hiện đại nhằm tiết kiệm nguyên liệu, vật liệu và năng lượng. Tập trung đẩy mạnh triển khai các dự án năng lượng sạch, năng lượng tái tạo trên địa bàn tỉnh. Tích cực hỗ trợ các tập đoàn, doanh nghiệp tiếp cận nghiên cứu, khảo sát, đầu tư các dự án về năng lượng sạch, năng lượng tái tạo trên địa bàn tỉnh.

Tuyên truyền, khuyến khích các doanh nghiệp thay đổi các thiết bị lạc hậu tốn nhiều năng lượng và thải nhiều khí thải để đầu tư các dây chuyền, máy móc hiện đại hơn.

- **Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn:** Tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ và tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, phát triển nông nghiệp theo hướng nông nghiệp sạch, nông nghiệp công nghệ cao, bảo vệ môi trường sinh thái, tăng khả năng chống chịu. Tăng đầu tư cho cơ sở hạ tầng nông thôn, nghiên cứu nông nghiệp và các dịch vụ khuyến nông.

- **Sở Khoa học và Công nghệ:** Phối hợp với các ngành liên quan tham mưu, tư vấn lựa chọn các công nghệ du nhập về tỉnh; nghiên cứu, xây dựng cơ chế khuyến khích việc đầu tư, chuyển giao công nghệ, áp dụng các tiến bộ khoa học và công nghệ trên địa bàn.

- **Sở Giao thông vận tải:** Khuyến khích các tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực vận tải thực hiện đúng các quy định về bảo trì, bảo dưỡng, loại bỏ các loại xe tốn nhiên liệu và hết niên hạn sử dụng; sử dụng nhiên liệu tiết kiệm, giảm phát thải khí nhà kính; tiếp tục triển khai hoạt động vận tải khách bằng xe 4 bánh có gắn động cơ (*điện hoặc xăng*) trong phạm vi hạn chế cho các hoạt động du lịch trên địa bàn tỉnh.

- **Sở Y tế:** Tham mưu triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường y tế nói chung và vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và quản lý chất lượng nước ăn uống, sinh hoạt nói riêng. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, quản lý chất thải trong các cơ sở y tế; xây dựng cơ sở y tế xanh sạch đẹp theo chỉ đạo của Bộ Y tế. Thực hiện hiệu quả Kế hoạch thích ứng với biến đổi khí hậu của ngành y tế giai đoạn 2020-2025 và tầm nhìn đến 2030 trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

- **Ban Quản lý Khu kinh tế:** Tiếp tục phối hợp với các cơ quan chức năng liên quan tăng cường kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường của các doanh nghiệp trong các Khu công nghiệp và Khu kinh tế Nam Phú Yên.

- **Sở Tài chính:** Hàng năm, căn cứ khả năng ngân sách, trên cơ sở đề nghị của các cơ quan, đơn vị, Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh bố trí dự toán kinh phí để đơn vị thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn liên quan.

3.8. Thực hiện liên kết, hợp tác phát triển giữa tỉnh Phú Yên với các địa phương trong nước và khu vực trong lĩnh vực trao đổi thông tin, khoa học công nghệ về phát triển bền vững.

Lựa chọn tỉnh, thành phố thích hợp tổ chức tham quan, học tập kinh nghiệm về phát triển bền vững, tăng trưởng xanh và xây dựng kế hoạch hợp tác với một số tỉnh, thành phố trong nước và quốc tế trong lĩnh vực trao đổi thông tin, khoa học công nghệ về phát triển bền vững, tăng trưởng xanh

Tỉnh dành một phần kinh phí để tổ chức cho các sở ban ngành, các địa phương có liên quan đến việc xây dựng các mô hình phát triển bền vững, tăng trưởng xanh đi học tập kinh nghiệm ở các địa phương trên.

4. Tổ chức thực hiện

Căn cứ vào các nội dung của Kế hoạch này, Thủ trưởng các sở, ban, ngành và Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố xây dựng kế hoạch năm 2021 cụ thể hóa và triển khai thực hiện kịp thời hiệu quả những nhiệm vụ được giao, đảm bảo thực hiện thành công Kế hoạch hành động tỉnh Phú Yên thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững; Lộ trình thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững tỉnh Phú Yên đến năm 2030; Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh tỉnh Phú Yên giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn đến 2025. Theo dõi, kiểm tra đôn đốc thực hiện Kế hoạch; định kỳ báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao chủ trì, các chỉ tiêu giám sát, đánh giá phát triển bền vững, tăng trưởng xanh thuộc lĩnh vực quản lý gửi Thường trực Ban chỉ đạo phát triển bền vững tỉnh.

Giao Tổ trưởng 3 tổ chuyên môn chủ động xây dựng kế hoạch hoạt động của tổ năm 2021, kế hoạch cụ thể và phân giao trách nhiệm, chủ trì thực hiện cho từng thành viên để cuối năm có báo cáo đánh giá đầy đủ.

Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư theo dõi, kiểm tra; tổng hợp, báo cáo, đánh giá kết quả triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch hành động, các chỉ tiêu phát triển bền vững, tăng trưởng xanh báo cáo Thường Ban chỉ đạo phát triển bền vững tỉnh và UBND tỉnh.

Kinh phí thực hiện Kế hoạch phát triển bền vững, tăng trưởng xanh năm 2021 được bố trí trong dự toán chi ngân sách hàng năm theo phân cấp Ngân sách nhà nước hiện hành cho các đơn vị. Hàng năm, căn cứ nhiệm vụ được giao, các cơ quan, đơn vị xây dựng dự toán chi tiết thực hiện Kế hoạch hành động theo nguyên tắc lồng ghép các nhiệm vụ phát triển bền vững, tăng trưởng xanh với chức năng nhiệm vụ thường xuyên của các đơn vị, tổng hợp chung vào dự toán chi Ngân sách nhà nước, gửi Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước. Kinh phí hoạt động của các Tổ chuyên môn được bố trí trong dự toán ngân sách của đơn vị làm Tổ trưởng.

Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Sở Tài chính cân đối, bố trí kinh phí và chủ động lồng ghép các chương trình, đề án, dự án từ nguồn chi đầu tư phát triển và nguồn chi sự nghiệp để thực hiện có hiệu quả Kế hoạch này.

(Kèm theo Kế hoạch này là các phụ lục: Báo cáo kết quả hoạt động giai đoạn 2018-2020 về phát triển bền vững, tăng trưởng xanh tỉnh Phú Yên; Kết quả thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững tỉnh Phú Yên giai đoạn 2018-2020, Kế hoạch năm 2021)

CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh(b/c);
- Các thành viên BCĐ PTBV tỉnh;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- VP Phát triển bền vững tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

Trần Hữu Thế

Phụ lục I**BÀO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG,
TĂNG TRƯỞNG XANH TỈNH PHÚ YÊN GIAI ĐOẠN 2018-2020***(Ban hành kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /02/2021 của UBND tỉnh)***1. Hoạt động của Ban chỉ đạo Phát triển bền vững tỉnh****1.1. Kiện toàn Ban chỉ đạo phát triển bền vững tỉnh**

Ban chỉ đạo phát triển bền vững tỉnh đã liên tục kiện toàn, bổ sung⁽³⁾ để phù hợp với một số thay đổi nhân sự của lãnh đạo UBND tỉnh và các sở ngành của tỉnh. Ban chỉ đạo phát triển bền vững (PTBV) tỉnh có 23 thành viên do Chủ tịch UBND tỉnh làm trưởng ban, có 4 phó trưởng Ban và các thành viên là Giám đốc các sở, ban, ngành và Chủ tịch Hội doanh nghiệp tỉnh. Ban Chỉ đạo PTBV có 3 Tổ chuyên môn gồm: Tổ PTBV về Kinh tế do Lãnh đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư làm tổ trưởng; Tổ PTBV về Xã hội và Giáo dục do Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội làm tổ trưởng và Tổ PTBV về Tài nguyên và Môi trường do Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường làm tổ trưởng, các Tổ chuyên môn đã được kiện toàn nhân sự và tổ chức các hoạt động theo quy định của Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban chỉ đạo PTBV tỉnh.

Trưởng Ban chỉ đạo PTBV tỉnh đã ban hành “Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban chỉ đạo PTBV tỉnh Phú Yên”⁽⁴⁾.

1.2. Hoàn thiện hệ thống chính sách, văn bản về phát triển bền vững, tăng trưởng xanh

Giai đoạn 2018-2020, UBND tỉnh đã từng bước hoàn thiện hệ thống chính sách, văn bản về phát triển bền vững, tăng trưởng xanh (TTX), lồng ghép các nội dung, mục tiêu PTBV, TTX vào quá trình hoạch định chính sách, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

1.2.1. Kế hoạch hành động của tỉnh Phú Yên thực hiện chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững

Triển khai thực hiện Quyết định số 622/QĐ-TTg ngày 10/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững. UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1273/QĐ-UBND ngày 21/6/2018 về Kế hoạch hành động của tỉnh Phú Yên thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững với sự hỗ trợ của Vụ Khoa học, Giáo dục, Tài nguyên và Môi trường – Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Tổ chức Hợp tác Phát triển Đức (GIZ), Kế hoạch gồm 17 mục tiêu chung và 108 mục tiêu cụ thể. Ban chỉ đạo PTBV đã hướng dẫn các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai xây dựng và thực hiện

³ Quyết định số 1802/QĐ-UBND ngày 13/9/2018 Về việc Kiện toàn Ban chỉ đạo PTBV tỉnh Phú Yên

⁴ Quyết định số 13/QĐ-BCĐ ngày 28/11/2018 của Ban Chỉ đạo Phát triển bền vững tỉnh Phú Yên” để thay thế Quyết định số 02/QĐ-BCĐ ngày 09/12/2014

Kế hoạch hành động đơn vị mình thực hiện Kế hoạch hành động của tỉnh Phú Yên thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững.

1.2.2. Xây dựng Lộ trình thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững tỉnh Phú Yên đến năm 2030.

Triển khai thực hiện Quyết định số 681/QĐ-TTg ngày 04/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành lộ trình thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững Việt Nam đến năm 2030, UBND tỉnh đã ban hành tại Quyết định số 1633/QĐ-UBND ngày 10/10/2019 về việc ban hành “Lộ trình thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững tỉnh Phú Yên đến năm 2030”. Ban hành kèm theo Quyết định là lộ trình thực hiện 17 mục tiêu phát triển bền vững như: Chấm dứt mọi hình thức nghèo ở mọi nơi; xóa đói, bảo đảm an ninh lương thực, cải thiện dinh dưỡng và thúc đẩy phát triển nông nghiệp bền vững; bảo đảm cuộc sống khỏe mạnh và tăng cường phúc lợi cho mọi người ở mọi lứa tuổi;...

1.2.3. Kế hoạch giám sát, đánh giá thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững tỉnh Phú Yên đến năm 2030

Triển khai thực hiện Quyết định số 468/QĐ-BKHĐT ngày 26/3/2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành Hướng dẫn giám sát, đánh giá thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững Việt Nam đến năm 2030, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 101/KH-UBND ngày 26/5/2020 Kế hoạch giám sát, đánh giá thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững tỉnh Phú Yên đến năm 2030.

1.2.4. Kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 19/11/2019 của Thủ tướng Chính phủ về các giải pháp thúc đẩy tăng trưởng và phát triển bền vững Vùng miền Trung trên địa bàn tỉnh Phú Yên

Triển khai thực hiện Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 19/11/2019 của Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 45/KH-UBND ngày 25/2/2020 về thực hiện Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 19/11/2019 của Thủ tướng Chính phủ về các giải pháp thúc đẩy tăng trưởng và phát triển bền vững Vùng miền Trung trên địa bàn tỉnh Phú Yên. Định kỳ hàng năm, xây dựng báo cáo đánh giá tình hình triển khai và kết quả thực hiện Chỉ thị số 27/CT-TTg trong 6 tháng, cả năm.

1.3. Tổ chức tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức của toàn xã hội về các mục tiêu phát triển bền vững, tăng trưởng xanh

Công tác quán triệt các nội dung của Chương trình Nghị sự 2030 về PTBV, Kế hoạch hành động TTX trong cán bộ, công chức viên chức, cộng đồng các doanh nghiệp và toàn dân được thực hiện thường xuyên và nghiêm túc. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố chủ động xây dựng chuyên trang, chuyên mục, tăng cường sản xuất tin, bài tuyên truyền về PTBV và TTX. Bên cạnh đó tiếp tục huy động và phối hợp sự tham gia của các tổ chức đoàn thể như: Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Liên đoàn Lao động, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Đoàn Thanh niên, Hội

Cựu chiến binh, Hội Nông dân, Hội Sinh viên,... trong công tác truyền thông về PTBV, TTX trên địa bàn tỉnh.

Tỉnh thường tổ chức các lớp tập huấn nhằm tăng cường năng lực của cán bộ, công chức về thực hiện các mục tiêu PTBV. Năm 2020, do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 và các đợt bão lụt cuối năm nên Thường trực Ban chỉ đạo PTBV tỉnh đã tăng cường đăng tải trên 200 bài báo về phát triển bền vững trên trang thông tin ipcphuyen.gov.vn và phát hành tài liệu Sổ tay “Xanh hóa hoạt động khách sạn - nhà hàng” cung cấp đến các doanh nghiệp một số nội dung về bảo vệ môi trường, phát triển bền vững trong lĩnh vực khách sạn, nhà hàng nhằm thúc đẩy phát triển bền vững, tăng trưởng xanh trong ngành du lịch.

Các cơ quan thông tin truyền thông lồng ghép nội dung PTBV, TTX trong các chương trình, chuyên đề, chuyên mục về phát triển bền vững, tăng trưởng xanh trên Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh⁽⁵⁾; Báo Phú Yên, Tạp chí Trí thức Phú Yên... Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện xuất bản phẩm tuyên truyền phát triển bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh.

Ngành Tài nguyên môi trường đã tăng cường các hoạt động tuyên truyền qua các phong trào tiêu biểu. Phát động về Giải thưởng môi trường tỉnh Phú Yên hàng năm⁽⁶⁾.

Ngành Lao động, thương binh và xã hội đã triển khai nhiều hoạt động tuyên truyền góp phần từng bước nâng cao nhận thức về phát triển bền vững⁽⁷⁾. Tổ chức Hội nghị Tuyên truyền, đối thoại Bộ luật Lao động, Luật BHXH, Luật Việc làm, Luật An toàn,...

Ngành Công thương thực hiện các đề án, dự án liên quan đến giảm phát thải khí nhà kính trong công nghiệp, thương mại, sản xuất sạch trong công nghiệp, tiết kiệm năng lượng và phát triển năng lượng sạch, năng lượng tái tạo trên địa bàn Tỉnh. Tổ chức tuyên truyền về tiết kiệm năng lượng bằng nhiều hình thức⁸.

Ngành Giao thông vận tải phối hợp với các ngành, địa phương triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp bảo đảm trật tự an toàn giao thông, chú trọng hiệu quả công

⁵ Đài Phát thanh – Truyền hình tỉnh đã thực hiện: về truyền hình khoảng 320 tin, trên 100 phóng sự, phim tài liệu, clip; về phát thanh khoảng 400 tin, gần 120 bài tuyên truyền về thúc đẩy tăng trưởng và phát triển bền vững.

⁶ Năm 2018 có 02 cá nhân và 05 tổ chức được UBND tỉnh tặng Giải thưởng môi trường; năm 2020 có 04 tổ chức, 01 cá nhân được UBND tỉnh tặng Giải thưởng môi trường.

⁷ Như: Tổ chức tốt các phiên giao dịch việc làm; triển khai các hoạt động hưởng ứng Tháng hành động về An toàn vệ sinh lao động hàng năm, đã tổ chức tốt các phiên giao dịch việc làm; triển khai các hoạt động hưởng ứng Tháng hành động về An toàn vệ sinh lao động hàng năm; tuyên truyền, phổ biến chính sách hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng lao động trên các phương tiện thông tin đại chúng; mở các lớp tập huấn để cung cấp thông tin về định hướng nghề nghiệp, thông tin về việc làm, đào tạo, ...

⁸ Tổ chức tuyên truyền về tiết kiệm năng lượng trên Đài phát thanh và Truyền hình Phú Yên; In tờ rơi tuyên truyền sử dụng xăng sinh học E5; Tổ chức các hoạt động treo băng rôn tuyên truyền, đạp xe diễu hành, phát động tắt đèn trong 01 giờ để hưởng ứng chiến dịch Giờ trái đất; Tổ chức hoạt động ngoại khóa lắp ráp đồ chơi mô hình trường học xanh có sử dụng năng lượng tái tạo; Hội thi tuyên truyền về sử dụng năng lượng trong sản xuất và hiệu quả giữa các trường học trên địa bàn tỉnh; Tập huấn, hướng dẫn các biện pháp tiết kiệm năng lượng trong sản xuất, sử dụng thiết bị có hiệu suất năng lượng cao, áp dụng công nghệ tiên tiến, quy trình sản xuất sạch hơn, ứng dụng năng lượng mới, năng lượng tái tạo trong sản xuất và sinh hoạt; Tổ chức Hội nghị phát triển điện mặt trời mái nhà; Hỗ trợ lập báo cáo kiểm toán năng lượng cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn tỉnh.

tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật tới mọi thành phần tham gia trong hoạt động giao thông vận tải⁽⁹⁾.

Ngành Y tế đã quán triệt các nội dung của Chương trình Nghị sự 2030 về PTBV, Kế hoạch hành động TTX trong công chức, viên chức, người lao động được thực hiện thường xuyên và nghiêm túc. Nội dung tuyên truyền của ngành y tế tập trung vào các chuyên trang, chuyên mục như: về các biện pháp truyền thông giáo dục sức khỏe, vệ sinh phòng bệnh và các loại dịch, bệnh nhằm chủ động phòng chống dịch, khống chế đến mức thấp nhất tỷ lệ mắc và chết do các bệnh, dịch truyền nhiễm gây ra; phát triển về số lượng và nâng cao chất lượng các dịch vụ truyền thông về y tế, chăm sóc sức khỏe; bảo đảm an toàn thực phẩm; ...

Ngành Tư pháp đã tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, xây dựng sổ tay phổ biến pháp luật dành cho phụ nữ ở cơ sở trong đó tìm hiểu những quy định có liên quan đến gia đình. Phối hợp với các cơ quan liên quan, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp trong quá trình xây dựng và thực hiện chính sách, pháp luật nhằm thúc đẩy bình đẳng giới và trao quyền cho tất cả phụ nữ và trẻ em⁽¹⁰⁾.

Ngành Xây dựng tổ chức tuyên truyền, phổ biến Thông tư số 01/2018/TT-BXD, ngày 05/01/2018 của Bộ Xây dựng quy định về chỉ tiêu xây dựng đô thị tăng trưởng xanh và Quyết định số 84/QĐ-TTg, ngày 19/01/2018 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt kế hoạch phát triển đô thị tăng trưởng xanh Việt Nam đến năm 2030; Kế hoạch về phát triển bền vững, tăng trưởng xanh tỉnh Phú Yên cho cán bộ, công chức viên chức và người lao động trong ngành. Kiểm soát các tiêu chí tăng trưởng xanh trong các đồ án quy hoạch xây dựng; tích cực tham gia phong trào “Chống rác thải nhựa” trong cơ quan, đơn vị.

Ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tổ chức hàng nghìn lớp tập huấn chuyển giao tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, trong đó ưu tiên các tiến bộ kỹ thuật mới thân thiện với môi trường, nâng cao năng suất, hiệu quả và phát triển bền vững: sản xuất cây con, thủy sản an toàn, bền vững, sản xuất theo tiêu chuẩn VietGap, GlobalGap, sản xuất hữu cơ, ứng dụng các chế phẩm trong nông nghiệp, canh tác theo IPM, ICM, xây dựng hầm Biogas... góp phần giảm tỷ lệ dịch bệnh, nâng cao năng suất. Phối hợp với Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Phú Yên, Đài VTV8 và các cơ quan, đơn vị thông tấn báo chí khác đưa tin, đăng bài tuyên truyền về Chương trình

⁹ Tuyên truyền, vận động nhân dân chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật an toàn giao thông, đồng thời thực hiện tuyên truyền: “*Đã uống rượu, bia không lái xe*”, Quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ, đường sắt; Phối hợp với Đài Truyền hình Bộ Công an làm phim phóng sự tuyên truyền về xử lý xe ô tô chờ hàng quá tải trọng cho phép trên địa bàn tỉnh; Đài phát thanh truyền hình tỉnh làm phim phóng sự tuyên truyền về bảo vệ hành lang an toàn giao thông đường bộ, đường sắt,...

¹⁰ Năm 2018, đã phối hợp với Hội Liên hiệp phụ nữ Tỉnh, Hội Cựu chiến binh tỉnh và Sở giáo dục và Đào tạo tổ chức 26 hội nghị tuyên truyền, phổ biến kiến thức pháp luật cho hơn 2.100 lượt người tham dự. Năm 2019 phối hợp với Hội Cựu chiến binh Tỉnh, Hội Liên hiệp phụ nữ Tỉnh và Công đoàn viên chức Tỉnh tổ chức 20 Hội nghị phổ biến, giáo dục pháp luật về trẻ em, Luật tiếp cận thông tin,...

Nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững, tuyên truyền trên các Website của sở, Website của các đơn vị trực thuộc ngành Nông nghiệp: chương trình “*Bạn nhà Nông*” với nhiều chủ đề liên quan đến tăng trưởng xanh và PTBV.

Ngành Khoa học và công nghệ đã chú trọng công tác thông tin, tuyên truyền, thông tin khoa học và công nghệ đa dạng, phong phú và chất lượng. Đã tổ chức các lớp tập huấn, hội thảo, hướng dẫn doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, phát triển tài sản trí tuệ, thực thi quyền sở hữu công nghiệp qua đó nâng cao nhận thức của cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp về thực thi quyền sở hữu trí tuệ, góp phần đẩy lùi hàng giả, hàng nhái, xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp. Mỗi năm đã đào tạo, tập huấn cho hơn 1.000 lượt nông dân tại 9 huyện, thị xã, thành phố và được người dân địa phương đánh giá cao, ứng dụng vào sản xuất, cải thiện năng suất, chất lượng sản phẩm đem lại giá trị cao và trở thành một nghề, giải quyết việc làm, tăng nguồn thu nhập và góp phần phát triển kinh tế địa phương⁽¹¹⁾...

2. Kết quả thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững giai đoạn 2018-2020⁽¹²⁾

2.1. Mục tiêu 1: Chấm dứt mọi hình thức nghèo ở mọi nơi

Công tác giảm nghèo ở tỉnh Phú Yên được triển khai đồng bộ, các chính sách, dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020⁽¹³⁾ được triển khai khá hiệu quả, tác động trực tiếp đến nhiều lĩnh vực của đời sống người nghèo, giúp hộ nghèo phát triển kinh tế, ổn định đời sống, tiến đến giảm nghèo bền vững. Tỉnh đã tập trung chỉ đạo thực hiện kịp thời chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do dịch bệnh Covid-19 theo Nghị quyết số 42/NQ-CP của Chính phủ, Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Đến nay, các huyện, thị xã, thành phố cơ bản đã hoàn thành việc xét duyệt trợ cấp và chi trả cho các nhóm đối tượng⁽¹⁴⁾. Tỷ lệ hộ nghèo đến cuối năm 2020 là 2,54%, giảm 3,11% so với năm 2018.

Các công trình đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu huyện nghèo, xã nghèo đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển, xã nghèo đặc biệt khó khăn vùng dân tộc

¹¹ Cụ thể như: ứng dụng tiến bộ KH&CN trong sản xuất bắp và chế biến thức ăn gia súc bằng phương pháp ủ chua cung cấp cho chăn nuôi bò trong các nông hộ và trang trại với công suất 4.000 tấn/năm. Trong đó, đã chuyển giao quy trình chế biến thân bắp ủ chua làm thức ăn cho gia súc, trồng bắp thâm canh, sử dụng thức ăn ủ chua vỗ béo bò; tập huấn quy trình kỹ thuật trồng thâm canh cây bắp (VN8960) lấy cây; mô hình trồng bắp lấy nguyên cây với 11,1ha; xây dựng mô hình trồng 3.000 chậu dưa lưới, hoàn chỉnh quy trình kỹ thuật và chuyển giao trồng trong nhà màng cho nông dân trên địa bàn tỉnh.

¹² Đánh giá theo “Quyết định 1784/QĐ-UBND ngày 13/9/2017 của UBND tỉnh Phú Yên”, “Quyết định 1273/QĐ-UBND ngày 21/6/2019 của UBND tỉnh Phú Yên” và “Quyết định 1633/QĐ-UBND ngày 10/10/2019 của UBND tỉnh Phú Yên”.

¹³ UBND tỉnh đã phân bổ kinh phí cho các địa phương thực hiện, gồm: (a) Chương trình 30a: Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng các xã nghèo đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển (khởi công mới 10 công trình); Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển (hỗ trợ 10 xã); Tuyên truyền hỗ trợ cho lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài; (b) Chương trình 135: Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng 15 xã đặc biệt khó khăn (khu vực III) và 16 thôn đặc biệt khó khăn và Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn các xã đặc biệt khó khăn; (c) Dự án Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn các xã ngoài Chương trình 30a và Chương trình 135 (60 xã).

¹⁴ Đã hỗ trợ cho 167.644 người thuộc các đối tượng hỗ trợ, với số tiền 169,3 tỷ đồng, trong đó giải quyết hỗ trợ cho đối tượng người có công, đối tượng bảo trợ xã hội, hộ nghèo và cận nghèo cho 144.086 người với số tiền 145,770 tỷ đồng; 22.734 lao động, với số tiền 22,734 tỷ đồng; 824 hộ kinh doanh, với số tiền 824 triệu đồng.

miền núi đã đáp ứng nhu cầu đi lại, sinh hoạt và phát triển sản xuất của nhân dân thuộc các vùng dự án⁽¹⁵⁾.

2.2. Mục tiêu 2: Xóa đói, bảo đảm an ninh lương thực, cải thiện dinh dưỡng và thúc đẩy phát triển nông nghiệp bền vững

Đề án cơ cấu lại ngành nông nghiệp tiếp tục được quan tâm chỉ đạo, đóng góp tích cực vào tăng trưởng của ngành (*bình quân giai đoạn 2015-2020 tăng 3,88%/năm*), gắn với xây dựng nông thôn mới, nâng cao đời sống người nông dân. Đã tập trung tái cơ cấu trên các lĩnh vực phù hợp với lợi thế của địa phương, gắn nhu cầu thị trường và thích ứng với biến đổi khí hậu; ứng dụng khoa học công nghệ ngày càng nhân rộng, nhất là sử dụng giống tiến bộ⁽¹⁶⁾, nên năng suất, sản lượng, chất lượng và sức cạnh tranh của nhiều sản phẩm cây trồng, vật nuôi tăng cao hơn. Hỗ trợ chuyển đổi 1.500 ha đất trồng lúa kém hiệu quả sang trồng cây hàng năm khác. Tổng giá trị sản xuất nông - lâm - thủy sản năm 2020 đạt 12.630,6 tỷ đồng⁽¹⁷⁾ (*tăng 1.033,6 tỷ đồng so với năm 2018*). Triển khai thực hiện Đề án Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) tỉnh Phú Yên giai đoạn 2019-2020 và định hướng đến năm 2030, hiện nay có 27 sản phẩm đăng ký tham gia đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP của tỉnh.

Chăn nuôi được đẩy mạnh phát triển hướng nuôi công nghiệp, gắn với an toàn dịch bệnh, thu hút nhiều nhà đầu tư vào lĩnh vực chăn nuôi. Lâm nghiệp chú trọng việc liên doanh, liên kết với doanh nghiệp trong đầu tư quản lý rừng bền vững gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm, quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng. Các chính sách hỗ trợ phát triển thủy sản tiếp tục triển khai, tạo điều kiện để ngư dân bám biển sản xuất kết hợp với bảo vệ chủ quyền biển đảo; xây dựng được nhiều mô hình nuôi trồng thủy sản theo hướng an toàn sinh học, VietGap; hình thành một số vùng nuôi và sản xuất giống thủy sản ứng dụng công nghệ cao đạt tiêu chuẩn GlobalGap; xây dựng một số chuỗi liên kết trong khai thác, thu mua, chế biến, tiêu thụ cá ngừ đại dương. Hệ thống cảng cá, dịch vụ hậu cần nghề cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá được quan tâm đầu tư.

Công tác thanh, kiểm tra về chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm được tăng cường⁽¹⁸⁾. Mục tiêu giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng đã được chính quyền địa phương đưa

¹⁵ Năm 2020, hỗ trợ đầu tư 10 công trình cơ sở hạ tầng các xã nghèo ĐBKK vùng bãi ngang ven biển; 31 công trình cơ sở hạ tầng xã, thôn đặc biệt khó khăn trong và ngoài Chương trình 135; Hỗ trợ 37 mô hình giảm nghèo bền vững và hỗ trợ phát triển sản xuất tại các xã; ...

¹⁶ Tiến hành lai chọn tạo, thu thập bảo tồn phục tráng và phát triển các giống lúa, giống cây ăn quả, cây lâm nghiệp có năng suất cao, phẩm chất tốt phục vụ sản xuất trên địa bàn tỉnh: Giống lúa PY14, PY15, dòng GPY22-2, lúa gạo đỏ, 06 giống lúa Japonica (J01, J02, J03, J13, J14, J16), chai lá cong,... khảo nghiệm, chọn tạo giống lúa mới năng suất cao, chất lượng cơm ngon phù hợp với sản xuất tỉnh Phú Yên (QNg11, Bắc Thịnh và ĐT145, QN g6...), sản xuất giống bằng phương pháp nuôi cây mô các giống chuối, các giống lan, hồ tiêu... Các mô hình nuôi an toàn sinh học, ứng dụng chế phẩm sinh học, nuôi tôm 2 giai đoạn, nuôi ao bạt, nuôi tôm bằng nước tuần hoàn..., triển khai các chương trình, dự án nuôi tôm hùm trên bờ theo công nghệ RAS, công nghệ nuôi vùng biển hồ theo công nghệ Naury... để nâng cao hiệu quả, góp phần bảo vệ môi trường. Từng bước nâng cao năng lực sản xuất và quản lý chất lượng giống của các khu sản xuất tôm giống.

¹⁷ Trong đó: Nông nghiệp 8.009,4 tỷ đồng; lâm nghiệp 388,4 tỷ đồng; thủy sản 4.232,8 tỷ đồng.

¹⁸ Từ năm 2018 đến nay đã thực hiện lấy trên 553 mẫu giám sát chất lượng an toàn thực phẩm đối với một số nhóm sản phẩm thực phẩm thuộc ngành y tế, nông nghiệp, công thương quản lý để xét nghiệm một số chỉ tiêu về Vi sinh vật, dư lượng thuốc bảo vệ thực vật, dư lượng các chất cấm...v.v, trong đó có 442 mẫu đạt yêu cầu. Tất cả các sản phẩm giám sát không đạt chất lượng được Chi cục ATVSTP đã truy xuất nguồn gốc, tiêu hủy, xử phạt và cảnh báo thực phẩm không an

vào chỉ tiêu phát triển kinh tế xã hội của địa phương. Công tác giám sát chương trình phòng chống suy dinh dưỡng ở các cấp thực hiện thường xuyên⁽¹⁹⁾.

Các giải pháp chủ động phòng, tránh và giảm nhẹ thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu được thực hiện đồng bộ, tăng cường đầu tư hạ tầng cho vùng thường xuyên bị thiên tai, triển khai xã hội hóa công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn. Tiếp tục đầu tư kiên cố, nâng cấp hệ thống kênh mương nội đồng và từng bước đầu tư xây dựng mới, nâng cấp các công trình thủy lợi, phòng chống thiên tai, thích ứng biến đổi khí hậu⁽²⁰⁾, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu phòng chống thiên tai, tưới chủ động cho khoảng 97% diện tích lúa 2 vụ và tạo nguồn nước tưới cho hàng chục ngàn ha cây trồng cạn và nhu cầu sinh hoạt của nhân dân.

Khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phú Yên được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ chung xây dựng, phát triển đến năm 2030. Đã triển khai và hoàn thành một số hạ tầng thiết yếu thuộc dự án đầu tư kết cấu hạ tầng giai đoạn 1, đáng chú ý là dự án Hồ chứa nước Lỗ Chài 1 bảo đảm cấp nước theo quy trình tưới tiết kiệm cho 460ha và Trung tâm nghiên cứu, phát triển nông nghiệp công nghệ cao...; bước đầu thu hút được một số dự án đầu tư vào Khu Nông nghiệp⁽²¹⁾. Đồng thời đang triển khai lập hoàn thành Quy hoạch vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Phú Yên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2040 để tích hợp vào quy hoạch tỉnh Phú Yên theo quy định của Luật quy hoạch.

2.3. Mục tiêu 3: Bảo đảm cuộc sống khỏe mạnh và tăng cường phúc lợi cho mọi người ở mọi lứa tuổi

Ngành Y tế có nhiều chuyên viên tích cực, các cơ sở điều trị tăng cường nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, quan tâm triển khai các biện pháp nhằm xây dựng mối quan hệ tốt giữa thầy thuốc với bệnh nhân, ứng dụng nhiều dịch vụ kỹ thuật mới vào chẩn đoán và điều trị người bệnh đem lại hiệu quả thiết thực, nhất là trong bối cảnh ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19. Đồng thời, tăng cường quản lý và tạo điều kiện thuận lợi để hệ thống y tế ngoài công lập phát triển, nhất là việc khám chữa bệnh ban đầu, tư vấn sức khỏe, chăm sóc y tế và cung cấp thuốc bệnh cho nhân dân, góp phần giảm quá tải và nâng cao chất lượng khám chữa bệnh cho nhân dân tại các tuyến bệnh viện công lập. Toàn tỉnh hiện có 99/101 xã (*chiếm tỷ lệ 98,02%*), dự kiến đến cuối năm 2020, 100% số xã đạt chuẩn quốc gia về y tế theo Bộ tiêu chí quốc gia về y tế giai đoạn 2011 – 2020; 100% số trạm y tế xã triển khai khám, chữa bệnh BHYT; 100% số thôn, buôn,

toàn cho nhân dân theo quy định. Từ năm 2018 đến nay toàn tỉnh chỉ xảy ra 07 vụ NĐTP với tổng số 72 người mắc, không có vụ ngộ độc tập thể > 30 người mắc. Công tác cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP thực hiện đúng qui định.

¹⁹ Tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em tiếp tục giảm, tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em cân nặng/tuổi dưới 5 tuổi giảm (năm 2018 là 13,0%, năm 2019: 12,4%, năm 2020: 11,8%); tỷ lệ suy dinh dưỡng chiều cao/tuổi năm 2018 là 27,5%, năm 2019: 27,3%, năm 2020: 24,0%); tỷ lệ trẻ em từ 06 tháng đến 60 tháng tuổi uống vitamin A mỗi năm 02 lần đều đạt >99%; tỷ lệ trẻ 24-60 tháng tuổi uống thuốc tẩy giun đạt 99,40%/năm. Mạng lưới cộng tác viên dinh dưỡng, chuyên trách dinh dưỡng được hoàn thiện về số lượng; kiến thức bà mẹ và kỹ năng thực hành dinh dưỡng hợp lý cho trẻ được nâng cao.

²⁰ Đến năm 2020, toàn tỉnh có 321 công trình thủy lợi các loại và gần 2.400 km kênh mương các loại.

²¹ Đến nay, đã cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư 09 dự án, với tổng vốn đăng ký đầu tư hơn 659 tỷ đồng, tổng diện tích 182,76ha.

khu phố có nhân viên y tế thôn bản phục vụ; 100% số trạm y tế xã có Bác sỹ làm việc và 100% xã có viên chức Hộ sinh hoặc Y sỹ Sản Nhi.

Công tác chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình có nhiều cố gắng⁽²²⁾. Tỉnh cũng đã tập trung ưu tiên việc chăm sóc sức khỏe sinh sản cho đồng bào dân tộc thiểu số, xây dựng một số mô hình về công tác dân số phù hợp với từng địa bàn vùng sâu, vùng xa⁽²³⁾.

Công tác phòng, chống các bệnh ở người được tập trung chỉ đạo. Tình hình dịch HIV/AIDS ở Phú Yên giai đoạn 2018-2020 có xu hướng ổn định, ở mức thấp, số nhiễm mới và số tử vong giảm qua từng năm. Hoạt động giáo dục truyền thông phòng, chống HIV/AIDS được đẩy mạnh với sự phối hợp chặt chẽ của các ngành, các hội, đoàn thể và sự hỗ trợ giúp đỡ của các tổ chức quốc tế... Duy trì có hiệu quả hoạt động phòng tư vấn sức khỏe cộng đồng, nhóm giáo dục đồng đẳng tiếp cận cộng đồng,... Tổ chức nhiều hội thi và diễn đàn phòng, chống AIDS và ma túy cho hàng chục ngàn đối tượng, góp phần nâng cao kiến thức và hành vi về phòng chống lây nhiễm HIV/AIDS trong cộng đồng. Tổ chức giám sát toàn diện tại 100% số xã, phường trọng điểm. Công tác an toàn truyền máu được chú trọng, đạt 100% đơn vị máu được sàng lọc trước khi sử dụng. Quản lý, chăm sóc và tư vấn tốt cho số người bị nhiễm HIV/AIDS.

Tiếp tục duy trì hoạt động phòng, chống lao tại cộng đồng, 100% số xã thực hiện chiến lược DOTS (*Hoá trị liệu ngắn ngày*), công tác xét nghiệm tiếp tục được củng cố và duy trì hoạt động, số người xét nghiệm hàng năm trung bình 6.500 người, đạt 0,76 % dân số. Các mục tiêu phòng chống sốt rét từ năm 2018 đến nay đều vượt chỉ tiêu đề ra hàng năm; không để dịch xảy ra⁽²⁴⁾.

Thực hiện các giải pháp để tăng cường các điều kiện an toàn của hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông trên địa bàn tỉnh, trong đó tập trung rà soát, điều chỉnh, bổ sung hệ thống an toàn giao thông đường bộ, kịp thời xử lý các vị trí điểm đen, điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông. Từ năm 2018 – 2020, đã xử lý 30 vị trí điểm đen, điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông trên các tỉnh lộ, quốc lộ ủy thác (Quốc lộ 25, 29, 19C), khu vực đường bộ giao cắt với đường sắt với tổng kinh phí gần 50 tỷ đồng⁽²⁵⁾, qua đó đã góp phần làm

²² Công tác tiêm phòng uốn ván cho phụ nữ có thai và phụ nữ độ tuổi sinh đẻ ở các huyện điểm được tiến hành thường xuyên và đạt hiệu quả cao trên 90%; tỷ lệ quản lý thai và tỷ lệ số phụ nữ đẻ khám thai ≥ 3 lần đều đạt trên 95%; tỷ lệ các cặp vợ chồng áp dụng các biện pháp tránh thai hiện đại đạt trên 75%; Tỷ số giới tính khi sinh duy trì ở mức <112 bé trai/100 bé gái; Mức giảm tỷ suất sinh bình quân hàng năm duy trì mức 0,2‰; tỷ lệ sinh con thứ 3 giảm rõ rệt qua hàng năm. Tỷ suất chết mẹ/100.000 trẻ đẻ sống giảm từ 52,1 năm 2018 xuống còn 48,0 năm 2020; phụ nữ đẻ được quản lý thai, tỷ lệ PN đẻ được khám thai đủ 3 lần trở lên trong 3 thai kỳ tăng từ $>95\%$ vào năm 2016 đến năm 2020 đạt tỉ lệ $>97\%$; Tỷ lệ PN đẻ được tiêm phòng uốn ván đủ liều tăng lên $>97\%$, Tỷ lệ PN đẻ tại cơ sở Y tế và được cán bộ Y tế chăm sóc hàng năm đạt $>98\%$; Tỷ suất tử vong trẻ em dưới 1 tuổi ước đạt 9,8‰; Tỷ suất tử vong trẻ em dưới 5 tuổi ước đạt 13,7‰; Tỷ suất tử vong trẻ sơ sinh đạt $<10,0\%$.

²³ Như: Mô hình già làng, trưởng thôn, buôn với công tác dân số; mô hình ký cam kết thôn buôn không có người sinh con thứ 3; mô hình câu lạc bộ vị thành niên/thanh niên người dân tộc thiểu số không tảo hôn và kết hôn cận huyết thống.

²⁴ So với chỉ tiêu chương trình, đến năm 2020 toàn tỉnh tỷ lệ mắc sốt rét/1.000 dân từ 0,11 năm 2018 giảm còn 0,01 năm 2020 (chỉ tiêu 0,18), tỷ lệ chết do sốt rét đã khống chế từ 0,02/100.000 dân năm 2016 đến năm 2020 không có trường hợp nào (chỉ tiêu chương trình dưới 0,02/100.000 dân).

²⁵ Trong đó: Năm 2018, xử lý 05 vị trí điểm đen, điểm tiềm ẩn TNGT trên các tuyến tỉnh lộ quốc lộ ủy thác (QL25, 29, 19C), khu vực đường bộ giao cắt với đường sắt với tổng kinh phí 17,349 tỷ đồng; Năm 2019, xử lý 17 vị trí điểm đen,

giảm tan nạn giao thông trên địa bàn tỉnh. Tuy nhiên, tình hình tai nạn giao thông vẫn còn diễn biến phức tạp, đặc biệt trong năm 2020 còn có số người chết tăng cao⁽²⁶⁾, nên chưa đáp ứng mục tiêu lộ trình thực hiện phát triển bền vững theo chỉ tiêu được giao.

2.4. Mục tiêu 4: Đảm bảo nền giáo dục có chất lượng, công bằng, toàn diện và thúc đẩy các cơ hội học tập suốt đời cho tất cả mọi người

Quy mô giáo dục và đào tạo, cơ sở vật chất trường, lớp học tiếp tục được quan tâm đầu tư nâng cấp. Hiện nay toàn tỉnh có 364 trường²⁷, việc xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia được quan tâm, đến nay toàn tỉnh có 181/364 trường, đạt tỷ lệ 49,73%. Hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non trẻ em 5 tuổi; tiếp tục giữ vững và nâng cao kết quả đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học, trung học cơ sở và xóa mù chữ.

UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 133/KH-UBND ngày 16/7/2020 về đẩy mạnh phát triển nhân lực có kỹ năng nghề, góp phần nâng cao năng suất lao động và tăng năng lực cạnh tranh quốc gia trong tình hình mới trên địa bàn tỉnh Phú Yên. Nội dung: Triển khai có hiệu quả các quy định, cơ chế chính sách liên quan đến phát triển giáo dục nghề nghiệp, phát triển nhân lực có kỹ năng nghề, đẩy mạnh công tác liên kết đào tạo, đào tạo lại và đào tạo nâng cao để tạo chuyển biến mạnh mẽ về quy mô, chất lượng và hiệu quả của giáo dục nghề nghiệp. Thực hiện kết hợp đào tạo các kỹ năng chuyên môn, kỹ năng mềm, kỹ năng khởi nghiệp và ngoại ngữ ... thích ứng với yêu cầu của thị trường lao động. Đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền, tạo sự chuyển biến về nhận thức của xã hội về phát triển Giáo dục nghề nghiệp, vị trí, vai trò của nhân lực có kỹ năng nghề, nhằm huy động sự tham gia và nguồn lực của toàn xã hội. Tăng cường gắn kết chặt chẽ 3 “Nhà”: Nhà nước – Nhà trường – Nhà doanh nghiệp trong hoạt động giáo dục nghề nghiệp, khuyến khích các doanh nghiệp công nhận tuyển dụng, sử dụng, trả tiền lương, tiền công cho người lao động dựa trên kỹ năng và năng lực hành nghề; tuyển dụng, sử dụng lao động đã qua đào tạo hoặc có chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia theo quy định của pháp luật.

Các cơ sở giáo dục đại học, đào tạo nghề nghiệp có nhiều cố gắng mở rộng quy mô, đa dạng hóa các loại hình đào tạo và nâng cao chất lượng đào tạo, góp phần tích cực cung cấp nguồn nhân lực cho tỉnh và các tỉnh trong khu vực⁽²⁸⁾. Chất lượng đội ngũ

điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông trên các tuyến tỉnh lộ, quốc lộ ủy (QL25, 29, 19C) với tổng kinh phí 17 tỷ đồng; Năm 2020, xử lý 08 vị trí điểm đen, điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông trên các tuyến tỉnh lộ, quốc lộ ủy thác (QL25, 29, 19C) với tổng kinh phí trên 15,3 tỷ đồng.

²⁶ Tình hình TNGT: Năm 2018, xảy ra 181 vụ TNGT (giảm 47 vụ, giảm 20,6%), làm chết 98 người (giảm 27 người chết, giảm 21,6%), bị thương 153 người (giảm 28 người bị thương, giảm 15,5%) so với năm 2017. Năm 2019, xảy ra 165 vụ TNGT (giảm 16 vụ, giảm 8,8%), làm chết 92 người (giảm 06 người chết, giảm 6,1%), bị thương 132 người (giảm 21 người bị thương, giảm 13,7%) so với năm 2018. Năm 2020 xảy ra 161 vụ TNGT (giảm 04 vụ, giảm 2,4%), làm chết 94 người (tăng 02 người chết, tăng 2,2%), bị thương 117 người (giảm 15 người bị thương, giảm 11,4%) so với năm 2019.

²⁷ Trong đó: Trường Mầm non 132 trường; trường Tiểu học 94 trường; 105 trường THCS và 33 trường THPT .

²⁸ Hiện nay, trên địa bàn tỉnh hiện có 02 trường đại học, 03 trường cao đẳng, 01 Phân viện Ngân hàng, 01 Trung tâm giáo dục thường xuyên tỉnh, 01 trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp tỉnh, 07 trung tâm giáo dục nghề nghiệp và giáo dục thường xuyên, 01 trung tâm giáo dục thường xuyên sáp nhập với Trường Trung cấp dạy nghề thanh niên dân tộc, 01 Trung tâm giáo dục thường xuyên tỉnh, 01 Trung tâm kỹ thuật tổng hợp hướng nghiệp tỉnh, 01 trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tỉnh và 110 trung tâm học tập cộng đồng.

giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục tiếp tục được nâng lên, với tỷ lệ giáo viên các cấp đạt chuẩn chiếm từ 98,4% trở lên. Phong trào khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập, học tập suốt đời ngày càng phát triển sâu rộng.

Công tác đào tạo nghề có nhiều cố gắng, tiếp tục đa dạng hóa loại hình đào tạo nghề và triển khai thực hiện tốt Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn giai đoạn 2016 - 2020. Xây dựng chiến lược đào tạo nghề chất lượng cao theo từng năm và từng thời kỳ đạt hiệu quả cao⁽²⁹⁾. Tuyên truyền sâu rộng trong các tầng lớp nhân dân, nhất là đội ngũ thanh niên trong độ tuổi lao động làm thay đổi về nhận thức, sự cần thiết và nhu cầu học nghề để có việc làm, cải thiện thu nhập và nâng cao mức sống cho bản thân và gia đình. Nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ sở dạy nghề lao động nông thôn, gắn đào tạo nghề với nhu cầu thực tế của doanh nghiệp và đào tạo theo nhu cầu của người lao động học nghề xong phải có việc làm từ 80% trở lên. Thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý dạy nghề để nâng cao kỹ năng tay nghề, chất lượng đào tạo đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp.

2.5. Mục tiêu 5: Đạt được bình đẳng về giới, tăng quyền và tạo cơ hội cho phụ nữ và trẻ em gái

Các hoạt động tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, về bình đẳng giới được đẩy mạnh với nhiều hình thức phong phú⁽³⁰⁾. Tích cực triển khai thực hiện Chương trình hành động quốc gia về bình đẳng giới tỉnh Phú Yên giai đoạn 2016-2020. Công tác thực hiện luật Bình đẳng giới tại một số doanh nghiệp và địa phương được chú trọng. Việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng, hoàn thiện thể chế tại tỉnh Phú Yên luôn được đảm bảo⁽³¹⁾.

Từng bước đáp ứng các nhu cầu và các quyền cơ bản của trẻ em. Thực hiện kịp thời các chế độ, chính sách của Nhà nước đối với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, trẻ em bị ảnh hưởng do thiên tai, tai nạn rủi ro. Phối hợp các ngành liên quan kiểm tra, giám sát việc bảo vệ chăm sóc trẻ em, phấn đấu 100% số trẻ em dưới 6 tuổi được cấp thẻ Bảo hiểm y tế.

²⁹ Trong 5 năm, đã tổ chức đào tạo nghề khoảng 37.987 lao động, nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo toàn tỉnh đạt 70%, trong đó qua đào tạo nghề chiếm 51%; đã giải quyết việc làm khoảng 123.580 lao động, trong đó giải quyết việc làm mới khoảng 121.360 người, xuất khẩu lao động 2.220 người; giảm tỷ lệ thất nghiệp toàn tỉnh đến cuối năm 2020 ước còn 2%.

³⁰ Tổ chức triển khai các lớp tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ cấp huyện, cấp xã; Tổ chức Lễ phát động Tháng hành động vì bình đẳng giới và phòng, chống bạo lực trên cơ sở giới năm 2020; tuyên truyền trực quan tại các khu trục đường chính và khu dân cư tại các huyện, thị xã, thành phố. Ký kết Chương trình phối hợp truyền thông công tác của ngành với Hội Liên hiệp phụ nữ Tỉnh giai đoạn 2020-2022; Tổ chức tổng kết 10 năm thực hiện Chiến lược quốc gia bình đẳng giới giai đoạn 2011-2020.

³¹ Sở Tư pháp luôn chủ động, phối hợp rà soát các văn bản quy phạm pháp luật nói chung và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến bình đẳng giới. Trong năm 2018, đã thẩm định 189 văn bản quy phạm pháp luật của Tỉnh đảm bảo có chất lượng, trong đó có 01 dự thảo có tác động về giới; Sở Tư pháp đã đề nghị Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh cử thành viên tham gia Hội đồng tư vấn thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh, đặc biệt trong quá trình thẩm định luôn chú trọng đến việc phân tích chuyên sâu những tác động về giới trong các báo cáo đánh giá tác động của nghị quyết trong từng chính sách.

Công tác trợ giúp pháp lý, tư vấn pháp luật đối với phụ nữ, trẻ em được tăng cường⁽³²⁾, trọng tâm là trợ giúp pháp lý cho các đối tượng là nạn nhân bạo lực gia đình dưới các hình thức như tư vấn pháp luật, tham gia tố tụng và đại diện ngoài tố tụng.

2.6. Mục tiêu 6: Đảm bảo đầy đủ và quản lý bền vững tài nguyên nước và hệ thống vệ sinh cho tất cả mọi người

Đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động bảo vệ, phát triển nguồn cấp nước và cung ứng dịch vụ nước sạch nông thôn, điều chỉnh bổ sung Quy hoạch cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn giai đoạn 2011-2020, tầm nhìn đến năm 2030: đầu tư mới 24 công trình cấp nước với 1.058.023 triệu đồng; nâng cấp, mở rộng là 7 công trình với 520.990 triệu đồng. Tiếp tục đầu tư hệ thống cấp nước sạch tại các địa phương và các khu công nghiệp, cơ bản đảm bảo đáp ứng nhu cầu sử dụng nước sạch của nhân dân và phục vụ sản xuất công nghiệp. Tổng công suất cấp nước hiện nay là 47.000 m³/ngày đêm, đảm bảo nhu cầu sử dụng của nhân dân. Đã đầu tư nâng công suất Nhà máy nước Tuy Hòa lên 28.000 m³/ngày đêm và các nhà máy nước tại một số huyện với tổng công suất 3.000 - 5.000 m³/ngày đêm.

Tổ chức phối hợp theo đúng Quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Ba đã đảm bảo an toàn cho công trình, góp phần giảm lũ cho hạ du trong mùa lũ, đảm bảo nhu cầu sử dụng nước ở hạ du; hạn chế không gây lũ nhân tạo đột ngột, bất thường đe dọa trực tiếp tính mạng và tài sản của nhân dân khu vực ven sông; bảo vệ môi trường và sự phát triển bền vững của hệ sinh thái; đã điều hòa, phân bổ nguồn tài nguyên nước, duy trì dòng chảy tối thiểu trên sông; chuyển nước giữa các khu vực trong lưu vực sông này sang lưu vực sông khác; nguồn nước được sử dụng hợp lý, tiết kiệm và hiệu quả; chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, đáp ứng phục vụ tái cấu trúc ngành nông nghiệp, nâng cao mức đảm bảo cấp nước cho sinh hoạt, công nghiệp, nông nghiệp, góp phần phát triển kinh tế xã hội bền vững, giảm thiểu thấp nhất thiệt hại do hạn hán, thiếu nước gây ra.

Định kỳ hàng năm đều tổ chức kiểm tra định kỳ công tác bảo vệ môi trường và tài nguyên nước, qua đó đã kịp thời xử lý và hướng dẫn các tổ chức cá nhân tuân thủ đúng quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và tài nguyên.

2.7. Mục tiêu 7: Đảm bảo khả năng tiếp cận nguồn năng lượng bền vững, đáng tin cậy và có khả năng chi trả cho tất cả mọi người

Phấn đấu đảm bảo tiếp cận toàn dân đối với các dịch vụ năng lượng trong khả năng chi trả, đáng tin cậy và bền vững. Năm 2020 ước đạt 100% tỷ lệ hộ tiếp cận điện. Mở rộng cơ sở hạ tầng và nâng cấp công nghệ để cung cấp dịch vụ năng lượng hiện đại và bền vững cho mọi người. Tích cực hỗ trợ các tập đoàn, doanh nghiệp tiếp cận nghiên cứu, khảo sát đầu tư các dự án về năng lượng sạch, năng lượng tái tạo trên địa bàn tỉnh

³² Năm 2018, trợ giúp pháp lý 134 vụ/134 người ; năm 2019 trợ giúp pháp lý 176 vụ/176 người; năm 2020 trợ giúp pháp lý 147 vụ/147 người.

và tuyên truyền cho các tổ chức, cá nhân phát triển điện mặt trời trên mái nhà. Thúc đẩy đầu tư hoàn thành, đưa vào phát điện nhiều nhà máy thủy điện, điện sinh khối và điện năng lượng mặt trời. 05 dự án điện mặt trời đi vào hoạt động phát điện thương mại với công suất 413,3 MW; 01 nhà máy điện sinh khối công suất 30 MW, nhiều tổ chức, cá nhân lắp đặt điện mặt trời trên mái nhà với tổng công suất 19MW.

2.8. Mục tiêu 8: Đảm bảo tăng trưởng kinh tế bền vững, toàn diện, liên tục; tạo việc làm đầy đủ, năng suất và việc làm tốt cho tất cả mọi người

Tinh tiếp tục chuyển dịch, cơ cấu lại các ngành kinh tế phù hợp với tình hình thực tế và định hướng phát triển; trong đó chú trọng thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp tinh. Phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung, quy mô lớn, tổ chức liên kết sản xuất theo chuỗi đối với các sản phẩm chủ lực của tỉnh; khuyến khích nhân rộng sản xuất nông nghiệp sạch, nông nghiệp công nghệ cao; đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất và đời sống nhân dân. Làm tốt công tác khuyến công, hỗ trợ xây dựng và phát triển thương hiệu các sản phẩm lưu niệm, đặc sản địa phương theo Đề án mỗi xã một sản phẩm (OCOP) của tỉnh. Nâng cao chất lượng các ngành dịch vụ. Đẩy mạnh hoạt động thương mại điện tử; xúc tiến thương mại; từng bước phát triển dịch vụ logistics. Tiếp tục thực hiện số hóa trên một số lĩnh vực, từng bước phát triển kinh tế số, phục vụ quản lý nhà nước.

Tuy nhiên, năm 2020 trong bối cảnh đại dịch Covid-19 đã tác động mạnh đến kinh tế toàn cầu, trong nước và trong tỉnh. Tỉnh triển khai thực hiện đồng bộ các nhóm giải pháp ổn định kinh tế, tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, thu hút đầu tư phát triển. Tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh đạt 3,69%, là mức tăng trưởng thấp so với các năm gần đây, trong đó tỷ trọng khu vực nông, lâm nghiệp, thủy sản chiếm 25,47% (tăng 0,43%); khu vực công nghiệp, xây dựng chiếm 27,51% (tăng 0,42%); khu vực dịch vụ chiếm 42,05% (giảm 0,52%) so với cùng kỳ). Hoạt động công nghiệp có bước phục hồi sau dịch và đang có nhiều khởi sắc, công nghiệp tăng trưởng 9,04%; tổng vốn đầu tư phát triển tăng 3,8%. Tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp đang phục hồi và có bước phát triển. Công tác thu hút đầu tư được chú trọng, tổng vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn tỉnh năm 2020 ước đạt 20.261 tỷ đồng³³, tăng 4.439,7 tỷ đồng so với năm 2018.

Công tác bảo vệ quyền lao động, đảm bảo môi trường làm việc an toàn cho tất cả người lao động được chú trọng. Các hoạt động tuyên truyền phổ biến pháp luật về lao động cho người lao động và người sử dụng lao động trong các loại hình doanh nghiệp được đẩy mạnh, hướng dẫn doanh nghiệp nghiêm túc thực hiện đầy đủ các chế độ cho người lao động theo đúng pháp luật qui định, xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ trong doanh nghiệp. An toàn vệ sinh lao động, bảo hiểm xã hội cho

³³ Trong đó: Vốn Nhà nước trên địa bàn 6.293,5 tỷ đồng; vốn đầu tư của các doanh nghiệp ngoài Nhà nước và hộ cá thể 13.140,9 tỷ đồng; vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, thực hiện 826,6 tỷ đồng.

người lao động được chú trọng; đến cuối năm 2020 có hơn 135 nghìn lao động tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc và tự nguyện, chiếm 25% tổng số lao động trong độ tuổi tham gia hoạt động kinh tế thường xuyên⁽³⁴⁾.

Hoạt động du lịch có nhiều khởi sắc. Kết cấu hạ tầng phục vụ du lịch được quan tâm huy động nguồn lực đầu tư và thu hút đầu tư, tạo phát triển đáng kể, một số dự án đã hoàn thành đưa vào hoạt động toàn bộ và một số dự án đưa vào hoạt động một phần⁽³⁵⁾; sản phẩm du lịch ngày càng phong phú, công tác xúc tiến, quảng bá du lịch không ngừng được tăng cường⁽³⁶⁾, lượng khách du lịch tăng khá qua các năm⁽³⁷⁾, góp phần phát triển du lịch bền vững, tạo việc làm, tạo sản phẩm và dịch vụ du lịch có khả năng cạnh tranh cho tỉnh Phú Yên.

Ngành Ngân hàng Phú Yên luôn bám sát chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Chính quyền địa phương trong thực hiện chính sách tiền tệ, ngân hàng trên địa bàn. Đã tổ chức phổ biến, chỉ đạo, triển khai kịp thời, hiệu quả các chủ trương, chính sách của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật của nhà nước, của ngành và hướng dẫn các tổ chức tín dụng trên địa bàn thực hiện các giải pháp tiền tệ, tín dụng, hoạt động ngân hàng, tăng cường khả năng tiếp cận các dịch vụ tài chính ngân hàng cho người dân nhằm hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn Tỉnh. Hệ thống các tổ chức tín dụng tiếp tục mở rộng, phát triển, đáp ứng tốt nhu cầu phục vụ phát triển kinh tế - xã hội địa phương⁽³⁸⁾.

³⁴ Bao gồm cả lao động làm việc ngoài tỉnh có tham gia bảo hiểm xã hội.

³⁵ Hoàn thành đoạn từ Nam Cầu Hùng Vương đến Bắc cầu Đà Nông; công ven biển thành phố Tuy Hòa giai đoạn 1, tuyến ĐT 643, ... Hoàn thành một số hạng mục quan trọng các dự án Dự án Nút giao thông khác mức đường số 2 khu đô thị Nam thành phố Tuy Hòa- đường Nguyễn Văn Linh, Hồ điều hòa Hồ Sơn và Hạ tầng xung quanh, Kè chống sạt lở bờ tả sông Ba kết hợp với phát triển hạ tầng từ cầu Đà Rằng mới đến cầu Đà Rằng cũ, Không gian công cộng ven biển nút giao thông đường Nguyễn Hữu Thọ và đường Độc Lập, thành phố Tuy Hòa, Công viên ven biển thành phố Tuy Hòa (đoạn từ đường Nguyễn Huệ đến cảng cá phường 6 và đoạn từ khu resort Thuận Thảo đến nhà nghỉ Hội Nông dân);... Các dự án ngoài ngân sách dự án Rosa Alba Resort, Khu nghỉ dưỡng cao cấp và du lịch Viet Beach, Khu du lịch sinh thái Sao Việt, Quê tôi Village thuộc dự án KDL Long Hải, Trung tâm Hội nghị Pytopia, Khu du lịch vui chơi nghỉ dưỡng Seaside Resort,...

³⁶ Tổ chức các sự kiện có quy mô lớn: Lễ kỷ niệm 30 năm tái lập tỉnh và đón nhận huân chương Nhà nước; Tuần Văn hóa – Du lịch năm 2018, 2019; Lễ Chào cờ đầu năm mới và các hoạt động chào đón du khách đầu tiên đến Mũi Đại Lãnh - Phú Yên trong năm 2018, 2019, 2020; Tham gia các Hội chợ Du lịch quốc tế Việt Nam tại Hà Nội, TP.HCM và Cần Thơ; Hội nghị kích cầu du lịch Phú Yên – Gia Lai, Triển lãm “Di sản văn hóa, du lịch biển đảo Việt Nam” tại Nha Trang; tham gia Hội nghị Xúc tiến đầu tư và Quảng bá du lịch Vùng duyên hải miền Trung” tại tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2019. Tổ chức đón các đoàn khảo sát của các đơn vị lữ hành, báo chí các tỉnh; đón đoàn các hãng hàng không, đơn vị lữ hành quốc tế về khảo sát sản phẩm du lịch, tiềm năng du lịch Phú Yên và ký cam kết hợp tác phát triển mở rộng thị trường khách du lịch quốc tế đến với thành phố Tuy Hòa; phối hợp Tổng cục Du lịch tổ chức Tọa đàm kết nối các tuyến, điểm du lịch Phú Yên và Nam Trung Bộ; phối hợp TP. Hồ Chí Minh tổ chức Hội nghị tổng kết 05 năm chương trình hợp tác phát triển du lịch giữa TP. Hồ Chí Minh và các tỉnh Bình Định, Phú Yên, Ninh Thuận, Gia Lai giai đoạn 2013 - 2018 và phương hướng hợp tác giai đoạn 2019 – 2023.

Tổ chức đón Đoàn khảo sát Tổng cục Du lịch với 30 đơn vị lữ hành, báo chí các tỉnh; đón Đoàn các hãng hàng không, đơn vị lữ hành quốc tế về khảo sát sản phẩm du lịch, tiềm năng du lịch Phú Yên và ký cam kết hợp tác phát triển mở rộng thị trường khách du lịch quốc tế đến với thành phố Tuy Hòa.

Đăng cai, phối hợp Tổng cục Du lịch tổ chức Tọa đàm kết nối các tuyến, điểm du lịch Phú Yên và Nam Trung Bộ; phối hợp TP. Hồ Chí Minh tổ chức Hội nghị tổng kết 05 năm chương trình hợp tác phát triển du lịch giữa TP. Hồ Chí Minh và các tỉnh Bình Định, Phú Yên, Ninh Thuận, Gia Lai giai đoạn 2013 - 2018 và phương hướng hợp tác giai đoạn 2019 – 2023.

³⁷ Trong giai đoạn 2018-2020, tổng lượt khách đến Phú Yên 4.323.300 lượt, đạt 79,5% kế hoạch, trong đó khách quốc tế khoảng 93.440 lượt; khách du lịch đến Phú Yên năm 2020 đạt 884.300 lượt, trong đó khách quốc tế khoảng 7.385 lượt (do tác động của dịch bệnh Covid-19 năm 2020). Doanh thu du lịch: Trong giai đoạn 2018-2020, doanh thu du lịch đạt 4.174,07 tỷ đồng; trong đó doanh thu du lịch năm 2020 đạt khoảng 678,07 tỷ đồng, đạt 30,2% kế hoạch.

³⁸ Đến nay, tỷ lệ người dân từ 15 tuổi trở lên trên địa bàn tỉnh có tài khoản thanh toán tại ngân hàng chiếm 71,4%/tổng số người dân 15 tuổi trở lên. Toàn tỉnh ngoài NHNN chi nhánh thực hiện chức năng quản lý, hiện có 18 đơn vị, 10 chi nhánh

2.9. Mục tiêu 9: Xây dựng cơ sở hạ tầng có khả năng chống chịu cao, thúc đẩy công nghiệp hóa bao trùm và bền vững, tăng cường đổi mới

Tỉnh đã tập trung đầu tư phát triển các công trình hạ tầng giao thông trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là các công trình phục vụ phát triển công nghiệp, vùng kinh tế trọng điểm của Tỉnh, kết nối giao thông khu vực và cả nước, góp phần phát triển nhanh và bền vững hệ thống hạ tầng giao thông của tỉnh. Hoàn thiện, quản lý tốt các hệ thống công trình thủy lợi, từng bước ứng dụng khoa học, giải pháp công nghệ để đẩy mạnh thực hiện tưới tiên tiến, tiết kiệm nước, đáp ứng yêu cầu theo mục tiêu, nhiệm vụ tái cơ cấu của từng vùng. Xây dựng phương án phòng, chống hạn và nhiễm mặn năm 2019 và Chỉ thị an toàn công trình thủy lợi trong mùa mưa lũ; Kiểm tra việc thực hiện công tác đảm bảo an toàn hồ chứa trên địa bàn, tổng hợp kết quả kiểm tra công trình trước mùa mưa, lũ.

Thực hiện Quy hoạch phát triển Bưu chính Viễn thông đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 tỉnh Phú Yên các Doanh nghiệp viễn thông đảm bảo thông tin liên lạc thông suốt và mở rộng vùng phủ sóng⁽³⁹⁾. Thực hiện tốt lộ trình số hóa, đến năm 2020 phủ sóng truyền hình số mặt đất đạt 60% địa bàn dân cư, phủ sóng truyền hình số vệ tinh đạt 100% trên địa bàn dân cư. Duy trì hoạt động ổn định Công thông tin điện tử của tỉnh, các trang thông tin điện tử của các đơn vị, hệ thống quản lý văn bản và điều hành.

Tỉnh đã kịp thời ban hành các chủ trương, chính sách khuyến khích ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, cơ chế chính sách cho các doanh nghiệp đổi mới công nghệ, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, doanh nghiệp sản xuất các sản phẩm chủ lực, sản phẩm có thế mạnh đã tạo cơ sở pháp lý thuận lợi cho hoạt động khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh, góp phần làm cho hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, phát triển khoa học và công nghệ trên các lĩnh vực được đẩy mạnh, chất lượng ngày càng nâng lên, hướng đến hiệu quả ứng dụng vào thực tiễn sản xuất và đời sống.

2.10. Mục tiêu 10: Giảm bất bình đẳng trong xã hội

Trong những năm qua, việc triển khai thực hiện các chính sách của Đảng và Nhà nước về bình đẳng, công bằng xã hội luôn được đảm bảo thực hiện đầy đủ cả về mặt nội dung và đối tượng thụ hưởng. Các chương trình dự án về an sinh xã hội được triển khai thực hiện kịp thời⁽⁴⁰⁾. Chăm lo đời sống vật chất, thăm tặng quà cho các đối tượng

cấp 2 trực thuộc NHNo&PTNT, 39 phòng giao dịch của các ngân hàng thương mại và 11 phòng giao dịch của bưu điện thuộc NHTMCP Bưu điện Liên Việt chi nhánh Phú Yên.

³⁹ Đến năm 2020, các Doanh nghiệp thông tin di động đã đầu tư cải tạo, nâng cấp mở rộng mạng lưới theo hướng hiện đại và chất lượng nhằm bảo đảm phủ sóng di động. Các nhà mạng Vinaphone, Mobifone và Viettel đã đẩy mạnh công tác triển khai mạng di động 4G, đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ băng rộng di động ngày càng cao của người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Tính đến thời điểm hiện nay, toàn tỉnh có 2.688 trạm BTS (trong đó 793 trạm BTS 2G, 1047 trạm BTS 3G, 848 trạm BTS 4G) với 1.087 vị trí cột ăng-ten; 100% các thôn trên địa bàn tỉnh có sóng điện thoại di động 2G; 97% các thôn trên địa bàn tỉnh có sóng điện thoại di động 3G và 98% các thôn trên địa bàn tỉnh có sóng điện thoại di động 4G. Các doanh nghiệp thông tin di động luôn chú trọng cung cấp dịch vụ gia tăng ở tất cả các khu vực trên địa bàn tỉnh. Người dân miền núi, vùng sâu, vùng xa được hưởng chất lượng và dịch vụ thông tin di động một cách thuận lợi.

⁴⁰ Như: Đề án phát triển nghề công tác xã hội, Kế hoạch chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn dựa vào cộng đồng,...

hộ nghèo, bảo trợ xã hội được quan tâm⁽⁴¹⁾. Hoàn thành việc nâng cấp, mở rộng Trung tâm nuôi dưỡng người có công và bảo trợ xã hội chuẩn bị đưa vào sử dụng.

Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội vùng nông thôn tiếp tục được quan tâm đầu tư nâng cấp, bộ mặt nông thôn và đời sống nhân dân vùng nông thôn từng bước được nâng lên; thu nhập bình quân đầu người vùng nông thôn năm 2020 ước đạt 31,5 triệu đồng, gấp 1,3 lần so năm 2015.

Tiếp tục quan tâm đầu tư chương trình phát triển miền núi, từng bước hoàn thiện cơ sở hạ tầng, nâng cao đời sống người dân, giúp thu hẹp khoảng cách giữa các vùng miền. Đã triển khai kịp thời các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội miền núi và hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số; đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào dân tộc thiểu số được nâng lên.

2.11. Mục tiêu 11: Phát triển đô thị, nông thôn bền vững, có khả năng chống chịu; đảm bảo môi trường sống và làm việc an toàn; phân bổ hợp lý dân cư và lao động theo vùng

Đối với việc lập, thẩm định các chương trình, kế hoạch phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh, được thực hiện việc lồng ghép các mô hình phát triển đô thị phù hợp với định hướng phát triển đô thị tăng trưởng xanh được ban hành tại Quyết định số 84/QĐ-TTg ngày 19/01/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Kế hoạch phát triển đô thị tăng trưởng xanh Việt Nam đến năm 2030” và Thông tư số 01/2018//TT-BXD ngày 05/01/2018 của Bộ Xây dựng “Quy định về chỉ tiêu xây dựng đô thị tăng trưởng xanh”. Khu dân cư nông thôn mới, kiểu mẫu, vườn nông thôn mới phối hợp xây dựng các chỉ tiêu “xanh hóa” theo Kế hoạch số 120/KH-UBND ngày 27/5/2019 của UBND tỉnh.

Tinh triển khai xây dựng các đô thị ven biển hiện đại, xác định biển là trung tâm để tính toán quy hoạch xây dựng đô thị ven biển. Thực hiện Chương trình phát triển đô thị tỉnh Phú Yên đến năm 2025 và tầm nhìn đến 2030, kết quả đạt được đến nay: thị xã Sông Cầu từ đô thị loại IV lên đô thị loại III trực thuộc; huyện Đông Hòa trước đây từ đô thị loại V lên đô thị loại IV trực thuộc tỉnh, thành lập thị xã Đông Hòa và các phường thuộc thị xã Đông Hòa tỉnh Phú Yên. Đối với huyện Tuy An thực hiện việc nâng loại từ đô thị loại V lên thành đô thị loại IV và thành lập thị xã trong giai đoạn 2020-2025. Đối với Thành phố Tuy Hòa, tập trung đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ phát triển thành phố Tuy Hòa đạt đô thị loại I vào năm 2025 làm hạt nhân lan tỏa thúc đẩy phát triển.

⁴¹ Thực hiện cứu trợ đột xuất; Giải quyết cứu đói cho người nghèo trong dịp Tết Nguyên đán Canh Tý 2020 với 8.193 hộ/19.422 khẩu với 291,33 tấn gạo. Phối hợp cùng các ngành chăm lo đời sống vật chất, thăm và tặng quà cho các đối tượng hộ nghèo, bảo trợ xã hội trong dịp tết Nguyên Đán: các đơn vị, tổ chức cá nhân đã tổ chức trao tặng 66.910 suất quà cho hộ gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, với tổng số tiền gần 27.000 triệu đồng. Đặc biệt, hỗ trợ kịp thời cho 135.936 đối tượng bảo trợ xã hội, hộ nghèo, hộ cận nghèo với số tiền 133.570 triệu đồng theo Nghị quyết 42/NQ-CP của Chính phủ, Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Thực hiện trợ cấp thường xuyên tại cộng đồng cho 52.461 đối tượng bảo trợ xã hội với tổng kinh phí thực hiện 240 tỷ đồng.

Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới tiếp tục được triển khai mạnh mẽ. Đến nay, toàn tỉnh có 55/83 xã nông thôn mới (tỷ lệ 66,3%) và 05 xã nông thôn mới nâng cao (*Hòa Quang Bắc, Hòa Thắng, Hòa Quang Nam thuộc huyện Phú Hòa; Hòa Thành thuộc thị xã Đông Hòa và Hòa Đông thuộc huyện Tây Hòa*), chiếm tỷ lệ 9,1% trên tổng số xã đã đạt chuẩn nông thôn mới; 02 huyện đạt chuẩn nông thôn mới trong năm 2019 (*Tây Hòa và Phú Hòa*); bình quân đạt 16,9 tiêu chí/xã. Riêng thành phố Tuy Hòa đang trình Trung ương đề nghị thẩm định hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

Các vùng ven biển, đồng bằng, miền núi, đô thị được tập trung phát triển theo hướng phát huy tiềm năng, thế mạnh của từng vùng. Tập trung huy động các nguồn lực đầu tư kết cấu hạ tầng vùng biển và ven biển, tạo điều kiện triển khai các dự án du lịch biển; đẩy mạnh phát triển khai thác và nuôi trồng thủy sản gắn với bảo vệ chủ quyền, an ninh trên biển, nhờ đó kinh tế - xã hội vùng biển và ven biển tiếp tục phát triển khá, đóng góp đáng kể vào tăng trưởng kinh tế - xã hội của tỉnh. Khuyến khích người dân trồng rừng sản xuất kết hợp bảo vệ rừng tự nhiên; xây dựng các vùng chuyên canh cây công nghiệp, cây ăn quả, chăn nuôi đại gia súc; phát triển kinh tế trang trại, xây dựng, mở rộng các mô hình sản xuất nông - lâm kết hợp; phát triển du lịch cảnh quan thiên nhiên gắn với văn hóa, lễ hội cộng đồng các dân tộc thiểu số vùng miền núi.

Phát triển hợp lý các phương thức vận tải: đường bộ, đường sắt, đường hàng không, đường thủy nội địa, đường biển, đảm bảo kết nối liên hoàn giữa các phương thức. Tập trung phát triển các loại hình vận tải bằng đường bộ; đặc biệt trong việc thúc đẩy phát triển giao thông công cộng tại đô thị, thị trấn, thị tứ, triển khai các giải pháp kỹ thuật hợp lý, phổ biến thể chế, chính sách nhằm nâng cao chất lượng, an toàn, công bằng xã hội về khả năng tiếp cận hệ thống giao thông vận tải cho mọi người dân, chú trọng đáp ứng nhu cầu tiếp cận của người khuyết tật, người cao tuổi, phụ nữ và trẻ em tham gia giao thông,...Hoạt động giao thông vận tải được quản lý, kiểm soát tốt, nhất là trong giai đoạn giãn cách xã hội do dịch bệnh Covid-19; được duy trì và ổn định các loại hình vận tải, đáp ứng nhu cầu của xã hội. Tuy nhiên do hoạt động du lịch hạn chế, phát triển kinh tế chậm lại nên doanh thu, sản lượng vận tải giảm. Do vậy, đã không đáp ứng yêu cầu lộ trình thực hiện mục tiêu phát triển bền vững⁽⁴²⁾.

Tổ chức thực hiện Quyết định số 21/2014/QĐ-UBND ngày 22/7/2014 về việc ban hành quy chế quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh trên địa bàn tỉnh, đã góp phần tạo sự chuyển biến tích cực trong nhận thức và hành động của các cấp, các ngành và nhân dân trong việc bảo vệ và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh trên địa bàn tỉnh. Trong 5 năm, có 36

⁴² Trong đó, sản lượng vận tải đường bộ: Năm 2018 hành khách đạt 7,602 triệu lượt khách (tăng 11,09%), hàng hóa đạt 15,256 triệu tấn hàng (tăng 14,4%) so với năm 2017; Năm 2019: hành khách đạt 8,824 triệu lượt khách (tăng 16%), hàng hóa đạt 17,321 triệu tấn hàng (tăng 13,5%) so với năm 2018; Năm 2020: ước thực hiện hành khách đạt 6,5 triệu lượt khách (giảm 36%), hàng hóa ước đạt 18,0 triệu tấn hàng (tăng 4%) so với năm 2019.

di tích được xếp hạng cấp tỉnh, quốc gia, quốc gia đặc biệt⁽⁴³⁾, góp phần làm phong phú thêm nền văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc, khẳng định giá trị to lớn của văn hóa trong phát triển bền vững. Huy động nguồn lực tư nhân đầu tư, tăng cường sự tham gia của các tổ chức xã hội, cộng đồng trong công tác bảo tồn các di sản tự nhiên và di sản văn hóa thuộc tỉnh⁽⁴⁴⁾.

Hiện nay, Tỉnh đang tổ chức xây dựng “Quy hoạch tỉnh Phú Yên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050”, theo Luật Quy hoạch, trong đó có lồng ghép chặt chẽ các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội với các mục tiêu PTBV, TTX. Hỗ trợ các ngành rà soát, đánh giá tính bền vững của quy hoạch các ngành kỹ thuật theo Luật Quy hoạch.

2.12. Mục tiêu 12: Đảm bảo mô hình sản xuất và tiêu dùng bền vững

Các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất có nhiều cố gắng duy trì và phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh trong bối cảnh khó khăn chung do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19. Giá trị sản xuất công nghiệp theo giá so sánh năm 2010 ước tính đạt 19.455,9 tỷ đồng, trong đó ngành: Công nghiệp khai khoáng giảm 2,1%; công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 4,4%; sản xuất và phân phối điện, hơi nước tăng 17,9%; cung cấp nước và quản lý, xử lý rác thải tăng 5,3% so với cùng kỳ. Kịp thời triển khai các giải pháp hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, duy trì và đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh. Các Khu công nghiệp đang hoạt động đều được đầu tư xây dựng hoàn chỉnh hệ thống xử lý nước thải tập trung, đạt tỷ lệ 100%, đảm bảo thu gom lượng nước thải từ các doanh nghiệp và xử lý đạt quy chuẩn xả thải ra môi trường. Tiến hành rà soát, cải tạo, nâng cấp hệ thống xử lý nước thải tập trung tại các Khu công nghiệp nhằm nâng cao chất lượng nước thải trước khi thải ra môi trường, chú trọng việc quản lý và giám sát chất lượng môi trường để kịp thời ngăn chặn, ứng phó khi phát hiện dấu hiệu gây ô nhiễm môi trường tại các Khu công nghiệp. Tổ chức thực hiện có hiệu quả Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Phú Yên đến năm 2020, định hướng đến năm 2030. Công tác kiểm tra hoạt động khoáng sản được tăng cường, nhất là kiểm tra đột xuất các trường hợp khai thác trái phép, không phép. Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại phát sinh từ hoạt động sản xuất, kinh

⁴³ Tháp Nhạn được xếp hạng di tích quốc gia đặc biệt; địa điểm diễn ra cuộc Tổng tiến công và nổi dậy xuân Mậu Thân 1968 ở Phú Yên, di tích Lầm Phú Lâm, Mộ và địa điểm đền thờ Đào Trí, Quần thể Hòn Yến được xếp hạng di tích quốc gia; 04 di sản văn hóa (Nghệ thuật bài chòi; Lễ hội cầu ngư; Nghệ thuật trình diễn trống đôi, cồng ba, chiêng năm; Lễ cúng trưởng thành của người Ê Đê) được vào danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia, trong đó Nghệ thuật Bài chòi tỉnh Phú Yên cùng với Nghệ thuật Bài chòi Trung bộ Việt Nam được UNESCO ghi danh là di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại. Đến cuối năm 2020, toàn tỉnh có 92 di tích được xếp hạng, trong đó có 01 di tích quốc gia đặc biệt, 01 di sản văn hóa được UNESCO ghi danh, 22 di tích quốc gia, 68 di tích cấp tỉnh.

⁴⁴ Sở VH-TT-DL tích cực vận động và tạo điều kiện để các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động tu bổ, chống xuống cấp và tôn tạo một số di tích như: di tích Mộ và Đền thờ Lương Văn Chánh đã xã hội hóa được gần 4 tỷ đồng để thực hiện các công việc: trang trí nội thất, tu bổ điện thờ và đúc tượng Danh nhân Lương Văn Chánh; đình Ngọc Lãng được nhân dân đóng góp trên 300 triệu đồng để tu bổ lại điện thờ và xây dựng nhà Đông, nhà Tây; miếu thờ. Nhìn chung, việc xã hội hóa hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa trên địa bàn tỉnh Phú Yên bước đầu đã phát huy hiệu quả. Tuy nhiên, việc vận động các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp cho việc xã hội hóa hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa những năm gần đây còn hạn chế.

doanh, dịch vụ, cơ sở y tế, làng nghề được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường đạt 100%.

Các siêu thị, trung tâm thương mại phân phối sử dụng sản phẩm bao bì thân thiện môi trường thay thế dần sản phẩm bao bì nhựa sử dụng một lần, khó phân hủy; xây dựng thúc đẩy phát triển chuỗi cung ứng bền vững; khuyến khích phân phối các sản phẩm thân thiện môi trường, được dán nhãn sinh thái. Các huyện, thị xã, thành phố tổ chức tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức về lối sống, tiêu dùng bền vững.

Công tác thẩm định hồ sơ về môi trường được thực hiện đúng quy trình và thời gian⁽⁴⁵⁾. Các Khu công nghiệp đang hoạt động đều được đầu tư xây dựng hoàn chỉnh hệ thống xử lý nước thải tập trung, đạt tỷ lệ 100%, đảm bảo thu gom lượng nước thải từ các doanh nghiệp và xử lý đạt quy chuẩn xả thải ra môi trường. Tiến hành rà soát, cải tạo, nâng cấp hệ thống xử lý nước thải tập trung tại các Khu công nghiệp nhằm nâng cao chất lượng nước thải trước khi thải ra môi trường, chú trọng việc quản lý và giám sát chất lượng môi trường để kịp thời ngăn chặn, ứng phó khi phát hiện dấu hiệu gây ô nhiễm môi trường tại các Khu công nghiệp⁽⁴⁶⁾.

Tổ chức thực hiện có hiệu quả Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Phú Yên đến năm 2020, định hướng đến năm 2030⁽⁴⁷⁾. Công tác kiểm tra hoạt động khoáng sản được tăng cường, nhất là kiểm tra đột xuất các trường hợp khai thác trái phép, không phép; trong năm đã tổ chức kiểm tra đột xuất theo ý kiến phản ánh của công dân. Đã cấp 02 giấy phép thăm dò khoáng sản; 03 quyết định phê duyệt trữ lượng khoáng sản; 03 quyết định đề án đóng cửa mỏ; quyết định tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với 26 dự án. Đã ban hành Kế hoạch tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản cát, đất trên địa bàn.

2.13. Mục tiêu 13: Ứng phó kịp thời, hiệu quả với biến đổi khí hậu và thiên tai

Thực hiện Kế hoạch triển khai Quyết định số 2053/QĐ-TTg ngày 28/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch thực hiện thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Phú Yên (*ban hành kèm theo QĐ số 2216/QĐ-UBND ngày 13/11/2017 của UBND tỉnh*). Lồng ghép các nội dung về phát triển bền vững, thích ứng BĐKH và tăng trưởng xanh trong việc thẩm định, phê duyệt các chương trình, dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Phú Yên. Lồng ghép giảm nhẹ phát thải khí nhà kính trong quá

⁴⁵ Từ đầu năm đến nay UBND tỉnh phê duyệt 10 hồ sơ báo cáo đánh giá tác động môi trường; xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường 06 hồ sơ; cấp 16 số chất thải nguy hại.

⁴⁶ Cụ thể: Đầu tư cải tạo và nâng cấp hệ thống xử lý nước thải tập trung (KCN Hoà Hiệp 1: năm 2017 và KCN An Phú: năm 2018). Đồng thời, lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục tại 03 Trạm xử lý nước thải tập trung (KCN Hoà Hiệp 1: năm 2017, KCN An Phú: năm 2018, KCN ĐB Sông Cầu - KV1: năm 2019).

⁴⁷ UBND tỉnh ban hành các Quyết định cập nhật, bổ sung Quyết định số 3237/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND tỉnh gồm: Quyết định số 1083/QĐ-UBND ngày 22/7/2019 Về việc phê duyệt cập nhật, bổ sung các điểm mỏ khoáng sản vào Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và than bùn trên địa bàn tỉnh Phú Yên đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030; Quyết định số 1354/QĐ-UBND ngày 05/8/2020, về việc phê duyệt cập nhật, bổ sung và loại bỏ các điểm mỏ khoáng sản làm VLXD thông thường khỏi Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và than bùn trên địa bàn tỉnh Phú Yên đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030.

trình xây dựng các kế hoạch, chương trình, dự án. Tăng cường xây dựng các chương trình, dự án liên quan đến quản lý, phát triển rừng, phát triển sinh kế, bảo tồn đa dạng sinh học, đặc biệt là bảo tồn các hệ sinh thái biển và đại dương; khuyến khích tái chế các loại rác thải khu đô thị và công nghiệp thành năng lượng, vật liệu xây dựng và phân bón vi sinh; tăng cường năng lực giám sát khí hậu, cảnh báo sớm thiên tai; quản lý tổng hợp tài nguyên nước dưới đất, nước mặt; bảo vệ môi trường các nguồn nước, các lưu vực sông; đảm bảo an toàn hồ chứa, các công trình thủy lợi; đảm bảo an ninh lương thực thông qua bảo vệ, duy trì hợp lý và quản lý bền vững quỹ đất cho nông nghiệp. Nâng cao nhận thức, năng lực và kỹ năng thích ứng với BĐKH cho cộng đồng, tỷ lệ dân số được phổ biến kiến thức về phòng, chống lụt bão và giảm nhẹ rủi ro thiên tai năm 2020 đạt khoảng 70%.

2.14. Mục tiêu 14: Bảo tồn và sử dụng bền vững đại dương, biển và nguồn lợi biển để phát triển bền vững

Xây dựng năng lực ứng phó nhanh, hiệu quả đối với sự cố môi trường biển, vùng cửa sông ven biển. Giai đoạn 2018-2020, Tổ chức thành công Hội thảo bảo vệ bờ biển, diễn tập ứng phó sự cố tràn dầu và tìm kiếm cứu nạn trên biển thuộc chương trình đối tác Thái Bình Dương PP19. Phối hợp Trung tâm Nhiệt đới Việt - Nga thuộc Bộ Quốc phòng tiến hành điều tra, khảo sát nghiên cứu và đề xuất triển khai các giải pháp bảo vệ, phục hồi hệ sinh thái rạn san hô vùng ven biển của tỉnh; trên cơ sở đó, nghiên cứu và đề xuất triển khai các giải pháp bảo vệ, phục hồi hệ sinh thái rạn san hô vùng ven biển của tỉnh; xây dựng Đề án Khu bảo tồn, bảo vệ hệ sinh thái san hô vùng biển ven bờ tỉnh Phú Yên. UBND tỉnh đã phê duyệt Đề án Bảo vệ, bảo tồn đa dạng sinh học, cảnh quan môi trường quần thể Hòn Yến, huyện Tuy An đến năm 2025 định hướng đến năm 2035. Tiếp tục phối hợp với các đơn vị làm việc với tổ chức JICA - Cơ quan Hợp tác quốc tế Nhật Bản triển khai thực hiện xử lý ô nhiễm môi trường tại Vịnh Xuân Đài, thị xã Sông cầu. Đặc biệt, tỉnh Phú Yên luôn chú trọng đối với công tác quản lý ứng phó sự cố tràn dầu.

Xây dựng được nhiều mô hình nuôi trồng thủy sản theo hướng an toàn sinh học, VietGap; hình thành một số vùng nuôi và sản xuất giống thủy sản ứng dụng công nghệ cao đạt tiêu chuẩn GlobalGap⁽⁴⁸⁾, 16 cơ sở đạt chuẩn an toàn sinh học; xây dựng một số chuỗi liên kết trong khai thác, thu mua, chế biến, tiêu thụ cá ngừ đại dương. Hệ thống cảng cá, dịch vụ hậu cần nghề cá, khu neo đậu tránh trú bão dành cho tàu thuyền được quan tâm đầu tư.

Tiếp tục đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện nhiệm vụ: Cấm mốc thực địa hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn tỉnh để có cơ sở thực hiện việc giao khu vực biển cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng đối với các dự án du lịch theo quy định Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

⁴⁸ Mô hình nuôi trồng thủy sản của Công ty TNHH Thủy sản Đắc Lộc.

UBND tỉnh Phú Yên đã có Quyết định số 1184/QĐ-UBND ngày 09/7/2020 ban hành Kế hoạch triển khai Chương trình hành động số 23-CTr/TU ngày 26/3/2019 của Tỉnh ủy, Nghị Quyết số 26/NQ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về việc Ban hành Kế hoạch tổng thể và kế hoạch 5 năm thực hiện Nghị quyết 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh. Tỉnh đã xây dựng các nội dung, nhiệm vụ cụ thể và triển khai thực hiện về các lĩnh vực: Công tác quản lý tổng hợp vùng bờ; phát triển kinh tế biển; xã hội; khoa học, công nghệ và phát triển nguồn nhân lực biển; môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng; đảm bảo quốc phòng, an ninh, đối ngoại và hợp tác quốc tế.

2.15. Mục tiêu 15: Bảo vệ và phát triển rừng bền vững, bảo tồn đa dạng sinh học, phát triển dịch vụ hệ sinh thái, chống sa mạc hóa, ngăn chặn suy thoái và phục hồi tài nguyên đất

Tổ chức quản lý tốt diện tích rừng hiện có và đẩy nhanh tiến độ trồng rừng hàng năm⁽⁴⁹⁾, tỷ lệ che phủ rừng đều được nâng cao qua các năm, tỷ lệ che phủ rừng toàn tỉnh đến cuối năm 2020 đạt 45% tăng 1,8 % so năm 2018. Huy động các doanh nghiệp tham gia quản lý rừng bền vững, đã có 9.549 ha rừng sản xuất được cấp chứng chỉ của Hội đồng quản lý rừng toàn cầu (FSC). Đã hoàn thành việc rà soát, điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng; thực hiện trồng rừng kinh doanh cây gỗ lớn hơn 1.800 ha và chuyển hóa rừng trồng gỗ nhỏ sang gỗ lớn 300 ha; tổ chức trồng rừng xen kẽ các loài cây bản địa, lâm sản ngoài gỗ; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi khai thác, buôn bán và tiêu thụ trái phép động thực vật hoang dã. Năm 2019, đã thành lập HTX lâm nghiệp công nghệ cao Phú Yên, đây là mô hình HTX lâm nghiệp quy mô cấp tỉnh theo ngành hàng đầu tiên tại Việt Nam, có ý nghĩa quan trọng thúc đẩy phát triển ngành lâm nghiệp bền vững. Ứng dụng các phần mềm quản lý chuyên ngành như: Mapinfor, Gis... bản đồ phân vùng trọng điểm cháy để cập nhật, theo dõi công tác quản lý bảo vệ rừng và diễn biến tài nguyên rừng...

Thực hiện tốt công tác quản lý đất đai, bảo vệ tài nguyên đất trên địa bàn tỉnh. Công tác thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được quan tâm thực hiện tích cực.

Tổ chức thực hiện tốt Chương trình kiểm soát đối với loài ngoại lai xâm hại. Ngăn chặn và xử lý các hành động khai thác, buôn bán và tiêu thụ trái phép các loại động, thực vật hoang dã có nguy cơ tuyệt chủng.

2.16. Mục tiêu 16: Thúc đẩy xã hội hòa bình, công bằng, bình đẳng vì phát triển bền vững, tạo khả năng tiếp cận công lý cho tất cả mọi người; xây dựng các thể chế hiệu quả, có trách nhiệm giải trình và có sự tham gia ở các cấp

⁴⁹ Đã tổ chức triển khai trồng rừng mới, bình quân mỗi năm trồng trên 5.000 ha.

Công tác xây dựng, củng cố hệ thống chính trị ở cơ sở tiếp tục được quan tâm hoàn thiện, từng bước đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước, phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh - quốc phòng, trật tự an toàn của địa phương. Tập trung triển khai thực hiện chủ trương đổi mới, sắp xếp lại tổ chức bộ máy hành chính, các đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng tinh gọn, gắn với tinh giản biên chế.

Cải cách hành chính, nhất là cải cách thủ tục hành chính được tập trung chỉ đạo quyết liệt, với nhiều cách làm mới. Đã thành lập, đưa vào hoạt động Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh; triển khai chủ đề Năm doanh nghiệp, Năm kỷ cương hành chính; xây dựng bộ chỉ số và tiến hành đánh giá năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành và ủy ban nhân dân cấp huyện; thực hiện xin lỗi tổ chức, công dân khi giải quyết thủ tục hành chính sai sót, trễ hạn; gửi thư chúc mừng, chia buồn đến người dân... Rà soát, bãi bỏ, rút ngắn từ 35-50% thời gian giải quyết thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh và đầu tư; đồng thời, ban hành Bộ quy trình các bước triển khai thực hiện thủ tục đầu tư dự án sử dụng vốn của nhà đầu tư trên địa bàn tỉnh; Mẫu báo cáo thẩm định chủ trương đầu tư dự án đối với dự án sử dụng vốn của nhà đầu tư; phần mềm hệ thống cơ sở dữ liệu theo dõi tình hình, tiến độ triển khai thực hiện các dự án góp phần cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh. Kỷ cương, kỷ luật hành chính trong hoạt động của các cơ quan, đơn vị; tinh thần, trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong thực hiện nhiệm vụ được nâng lên; phương châm “Thân thiện, nghĩa tình; tận tụy, trách nhiệm; kỷ cương, kỷ luật” bước đầu phát huy hiệu quả.

Công tác thẩm định, kiểm tra, rà soát, đóng góp văn bản quy phạm pháp luật được triển khai thực hiện kịp thời, chất lượng, hiệu quả; việc tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật tiếp tục được chú trọng; công tác theo dõi thi hành pháp luật được tăng cường; công tác quản lý hộ tịch, công chứng, chứng thực; công tác kiểm soát thủ tục hành chính, đấu giá tài sản, hoạt động của luật sư,... tiếp tục được quan tâm thực hiện đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của các tổ chức và cá nhân. Từ năm 2018 đến nay, Hội đồng nhân dân, UBND tỉnh đã ban hành khoảng 200 văn bản quy phạm pháp luật.

2.17. Mục tiêu 17: Tăng cường phương thức thực hiện và thúc đẩy đối tác toàn cầu vì sự phát triển bền vững

Tiếp tục duy trì quan hệ hợp tác với địa phương các nước có quan hệ truyền thống như: Savannakhet (Lào), Chungcheongbuk (Hàn Quốc)..., đồng thời xúc tiến thúc đẩy mở rộng quan hệ hợp tác trên các lĩnh vực với các đối tác như Ấn Độ, Hàn Quốc, Hoa Kỳ. Hoạt động xúc tiến đầu tư và xúc tiến thương mại quốc tế được đẩy mạnh. Kịp thời thông tin, phổ biến các hiệp định thương mại tự do Việt Nam tham gia. Tổ chức nhiều hội nghị, hội thảo quốc tế tại tỉnh và các đoàn công tác của tỉnh thăm làm việc tại địa phương các nước với nhiều hoạt động thiết thực, góp phần quảng bá, giới thiệu rộng rãi hình ảnh Phú Yên ra nước ngoài, thúc đẩy thu hút đầu tư, khách du lịch đến tỉnh. Hoạt động đối ngoại nhân dân tiếp tục được mở rộng, có đóng góp tích cực vào việc

huy động các nguồn lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội địa phương. Triển khai đồng bộ nhiều hoạt động, giải pháp đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu trên địa bàn. Tổng kim ngạch xuất khẩu năm 2020 đạt 180 triệu USD, tăng 33,5 triệu USD so với năm 2018.

Tỉnh tiếp tục tăng cường quảng bá hình ảnh, tiềm năng thế mạnh, danh mục dự án kêu gọi đầu tư của tỉnh trên cổng thông tin điện tử, các phương tiện thông tin đại chúng, tham dự các Hội nghị xúc tiến đầu tư trong và ngoài nước nhằm quảng bá các thông tin về kinh tế - xã hội, cơ chế, chính sách của tỉnh để các nhà đầu tư nắm bắt thông tin tìm hiểu và đầu tư vào tỉnh Phú Yên. rà soát, cập nhật, bổ sung các tài liệu phục vụ xúc tiến đầu tư, danh mục các dự án kêu gọi đầu tư phù hợp với nhu cầu đầu tư thực tế và phù hợp quy hoạch phát triển tổng thể kinh tế - xã hội của tỉnh. Tăng cường gặp gỡ, tiếp xúc và làm việc với các doanh nghiệp và nhà đầu tư, nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các doanh nghiệp và nhà đầu tư để ổn định sản xuất, kinh doanh và triển khai thực hiện dự án, tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho các nhà đầu tư trong việc thực hiện các thủ tục đầu tư theo cơ chế một cửa, một đầu mối. Thường xuyên rà soát, bổ sung các chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư phù hợp tình hình thực tế và khả năng ngân sách của tỉnh nhằm chia sẻ khó khăn giữa tỉnh và nhà đầu tư.

Hiện trên địa bàn tỉnh Phú Yên có 39 dự án đầu tư nước ngoài đang đầu tư từ 15 quốc gia và vùng lãnh thổ⁽⁵⁰⁾ với tổng vốn đầu tư 1.571,41 triệu USD. Các dự án FDI đầu tư tại Phú Yên chủ yếu vào các lĩnh vực công nghiệp chế biến, du lịch – dịch vụ và nông, lâm, thủy sản,... Các dự án chủ yếu tập trung ở vùng biển và ven biển là vùng có điều kiện thuận lợi nhất để thu hút đầu tư do cơ sở hạ tầng tương đối phát triển, hệ thống giao thông tương đối đồng bộ và thuận tiện.

3. Đánh giá chung

3.1. Những thành tựu

Giai đoạn 2018 -2020, Ban chỉ đạo PTBV Tỉnh đã phát huy vai trò và trách nhiệm của các cơ quan chuyên môn trong việc triển khai nhiệm vụ về PTBV, TTX trên địa bàn tỉnh, nhất là việc hoàn thiện hệ thống chính sách, văn bản về phát triển bền vững, tăng trưởng xanh, lồng ghép các chỉ tiêu PTBV, TTX vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của tỉnh, xây dựng các chỉ tiêu PTBV, TTX của ngành phù hợp với điều kiện, đặc thù phát triển của từng ngành.

Phú Yên là một tỉnh có nguy cơ thấp, nhưng không nằm ngoài sự tác động ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 gây nhiều khó khăn cho sản xuất kinh doanh và đời sống của nhân dân trên địa bàn. Tuy nhiên, UBND tỉnh, các cấp, các ngành, cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân trên địa bàn tỉnh đã nỗ lực, tổ chức thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả các giải pháp. Tỉnh đã tập trung triển khai việc cơ cấu lại ngành nông nghiệp, tạo chuyển biến tốt trong nhận thức và hành động của hệ thống chính trị và toàn dân

⁵⁰ Như: Úc, Singapore, Ấn Độ, Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản, Đài Loan, Thái Lan, Hàn Quốc, Đức, Canada, Malaysia, Hồng Kông, Philippines, Hà Lan.

tham gia xây dựng nông thôn mới, phát triển nông nghiệp, nông thôn. Cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; đầu tư phát triển nguồn nhân lực đã góp phần tích cực nâng hiệu quả quản lý, điều hành, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu nhiệm vụ chính trị trong tình hình mới. Giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, văn hóa, xã hội, y tế chuyên biến theo chiều hướng tích cực. An sinh xã hội được đảm bảo, đời sống của người dân được nâng lên; quốc phòng, an ninh được tăng cường; an ninh chính trị trật tự an toàn xã hội được giữ vững.

3.2. Những tồn tại

Tồn tại trong hoạt động của Ban Chỉ đạo PTBV

- Phát triển bền vững là một chương trình lớn, xuyên suốt và bao trùm hầu hết các khía cạnh kinh tế - xã hội đòi hỏi nguồn lực đầu tư thực hiện khá lớn trong khi nguồn ngân sách của tỉnh hạn hẹp, việc huy động từ các nguồn lực khác hạn chế do điều kiện kinh tế xã hội của tỉnh còn nhiều khó khăn, các doanh nghiệp đa phần là doanh nghiệp nhỏ. Hiện nay chưa có một dòng ngân sách riêng cho việc triển khai thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững, xây dựng mô hình PTBV điềm để nhận rộng.

- Việc thực hiện Chương trình nghị sự chủ yếu là lồng ghép vào Chương trình, kế hoạch hàng năm của đơn vị, do đó phải tuân thủ theo kinh phí, định mức kinh tế kỹ thuật, quy chuẩn, tiêu chuẩn... đã được ban hành, không thể linh hoạt để thực hiện được tất cả các nội dung theo Chương trình Nghị sự đã đề ra.

- Việc triển khai các chính sách liên quan tới PTBV đòi hỏi sự phối hợp đa ngành, đa lĩnh vực, sự tham gia của cả hệ thống chính trị và xã hội. Tuy vậy, quá trình xây dựng và thực hiện chính sách hiện tại vẫn chủ yếu là từ trên xuống. Việc phối hợp thực hiện chính sách liên quan tới PTBV, sự phát huy tính làm chủ, sáng tạo của các sở, ban, ngành, địa phương và các tổ chức xã hội còn hạn chế dẫn đến một số sở, ngành, địa phương còn lúng túng trong công tác phối hợp triển khai thực hiện phát triển bền vững.

- Công tác tuyên truyền về PTBV, TTX tại một số sở, ngành và địa phương chưa được quan tâm đúng mức, chưa đi sâu vào mọi tầng lớp nhân dân, nội dung tuyên truyền chưa thật phong phú, đa dạng. Nhận thức về phát triển bền vững của một bộ phận không nhỏ nhân dân, nhất là dân cư ở vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn còn chưa đầy đủ, nên ảnh hưởng lớn đến việc thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển bền vững.

- Đại dịch Covid-19 sẽ ảnh hưởng toàn diện tới nền kinh tế trong năm 2020 và nhiều năm tới, tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh sẽ giảm sâu so với những năm trước, việc huy động vốn cho phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững trong thời gian tới sẽ rất khó khăn và là thách thức lớn đối với việc thực hiện các mục tiêu PTBV của tỉnh nhà.

Tồn tại trong phát triển KTXH, bảo vệ môi trường

- Sản xuất nông - lâm - thủy sản gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng thời tiết, dịch bệnh, làm cho thị trường tiêu thụ một số mặt hàng nông sản chủ lực của tỉnh gặp nhiều khó khăn, giá bán giảm so với cùng kỳ. Việc xử lý các trường hợp nuôi trồng thủy sản tự phát không theo quy hoạch chưa kiên quyết.

- Cơ cấu lại ngành nông nghiệp chưa đạt mục tiêu, yêu cầu. Sản xuất nông nghiệp cơ bản vẫn còn theo phương thức canh tác truyền thống, ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất còn hạn chế, nông nghiệp công nghệ cao còn chiếm tỷ trọng thấp; nghiên cứu xây dựng, nhân rộng các mô hình mới, hiệu quả trong sản xuất nông nghiệp còn ít. Bảo vệ và phát triển rừng còn nhiều bất cập, quản lý đất rừng còn lỏng lẻo; tình trạng lấn chiếm, xâm phạm đất rừng còn phổ biến và thiếu sót trong quá trình thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng rừng và đất rừng để thực hiện một số dự án. Chương trình xây dựng nông thôn mới gặp nhiều khó khăn, kết quả thực hiện một số tiêu chí ở một số xã thiếu bền vững, chưa tạo được chuyển biến thực chất trong chuyển đổi cơ cấu kinh tế, nâng cao thu nhập của nhân dân ở các xã nông thôn mới.

- Quy mô sản xuất công nghiệp còn nhỏ, hiệu quả sản xuất chưa cao; phần lớn là gia công, lắp ráp, chưa có nhiều sản phẩm công nghiệp mới đột phá, đủ khả năng cạnh tranh trên thị trường trong và ngoài nước; công nghiệp hỗ trợ chưa hình thành.

- Thu nhập của người dân còn thấp, đời sống của một bộ phận nhân dân, nhất là ở nông thôn, miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn khó khăn. Chưa có giải pháp hiệu quả giải quyết việc làm cho lao động nông nhân ở nông thôn; đào tạo nghề cho lao động nông thôn còn nhiều bất cập, đào tạo chưa gắn với sử dụng.

- Quản lý nhà nước về tài nguyên, khoáng sản, môi trường, đô thị còn nhiều hạn chế, chưa đáp ứng mục tiêu, yêu cầu phát triển bền vững.

Phụ lục II

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TỈNH PHÚ YÊN GIAI ĐOẠN 2018-2020, KẾ HOẠCH NĂM 2021

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /01/2021 của UBND tỉnh)

STT	Mục tiêu	Thực hiện 2018	Thực hiện 2019	Năm 2020			Kế hoạch 2021	Cơ quan chủ trì thực hiện
				Lộ trình	Thực hiện	Đánh giá thực hiện so với Lộ trình		
Mục tiêu 1: Chấm dứt mọi hình thức nghèo ở mọi nơi								
Mục tiêu 1.1: Đến năm 2020, xóa bỏ tình trạng nghèo cùng cực cho tất cả mọi người ở mọi nơi, sử dụng chuẩn nghèo với mức thu nhập bình quân đầu người thấp hơn 1,25 đô la Mỹ sức mua tương đương (giá 2005)/ngày; đến năm 2030, giảm cơ bản không còn hộ nghèo theo tiêu chí nghèo đa chiều của quốc gia.								
1	Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo đa chiều	2,2%	2,2%	Duy trì mức giảm 2%/năm so với năm trước	1,39%	Chưa đạt	1,5-2%	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
Mục tiêu 1.2: Triển khai các hệ thống và các biện pháp an sinh xã hội thích hợp cho mọi người, bao gồm cả các chính sách an sinh xã hội và đến năm 2030 đạt được diện bao phủ đáng kể cho người nghèo và những người dễ bị tổn thương (Mục tiêu 1.2 QG).								
2	Tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội	18,1%	23,37%	24,92%	25,6%	Đạt mục tiêu	15,8%	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
3	Tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm thất nghiệp	18,82%	19,75%	22,27%	22,3%	Đạt mục tiêu	22,4%	
4	Số người được hỗ trợ xã hội hàng tháng tại cộng đồng	50.000	48.150	Khoảng 3% dân số	60.000	Đạt mục tiêu	60.000	
5	Số người được hỗ trợ xã hội đột xuất theo chính sách của Nhà nước ⁽⁵¹⁾	100% người gặp khó khăn	100% người gặp khó khăn	100% người gặp khó khăn	100% người gặp khó khăn	Đạt mục tiêu	60.000	
Mục tiêu 2: Xóa đói, bảo đảm an ninh lương thực, cải thiện dinh dưỡng và thúc đẩy phát triển nông nghiệp bền vững								
Mục tiêu 2.1 (MTUT): Đến năm 2030, chấm dứt tình trạng thiếu đói và đảm bảo tất cả mọi người, đặc biệt những người nghèo và những người dễ bị tổn thương, bao gồm cả người cao tuổi và trẻ sơ sinh, được tiếp cận với thực phẩm an toàn, đủ dinh dưỡng và đầy đủ quanh năm (Mục tiêu 2.1 QG).								
6	Tỷ lệ thiếu đói		Cơ bản giải quyết được nạn đói	Cơ bản giải quyết được nạn đói	Cơ bản giải quyết được nạn đói	Đạt mục tiêu	Cơ bản giải quyết được nạn đói	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

⁵¹ Hiện đang được thực hiện theo Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ.

STT	Mục tiêu	Thực hiện 2018	Thực hiện 2019	Năm 2020			Kế hoạch 2021	Cơ quan chủ trì thực hiện
				Lộ trình	Thực hiện	Đánh giá thực hiện so với Lộ trình		
7	Tỷ lệ hộ gia đình có mức năng lượng khẩu phần trung bình đầu người/ngày dưới mức tối thiểu 1.800 Kcal	5%	5%	5%	5%	Đạt mục tiêu	<5%	Sở Y tế
Mục tiêu 2.2: Đến năm 2030 giảm tất cả các hình thức suy dinh dưỡng, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng cho các đối tượng là trẻ em, trẻ em gái vị thành niên, phụ nữ mang thai và đang cho con bú, người cao tuổi (Mục tiêu 2.2 QG).								
8	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng							Sở Y tế
	- Thể thấp còi	27,5%	27,0%	<24%	24,5%	Chưa đạt	<24%	
	- Thể gầy còm	13,3%	12,4%	<12%	11,8%	Đạt mục tiêu	<12%	
	- Thể béo phì							
	+ Nông thôn			<5%	<5%	Đạt mục tiêu	<5%	
+ Thành thị			<15%	<15%	Đạt mục tiêu	<15%		
Mục tiêu 2.3: Đến năm 2030, tăng gấp 1,5 lần năng suất lao động trong nông nghiệp và thu nhập của lao động nông nghiệp so với năm 2015 (Mục tiêu 2.3 QG).								
9	Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn	28,06 triệu đồng	29,7 triệu đồng	31,5 triệu đồng	31,5 triệu đồng	Đạt mục tiêu	34,5 triệu đồng	
Mục tiêu 2.4: Đến năm 2030, bảo đảm sản xuất lương thực, thực phẩm bền vững và áp dụng những phương thức sản xuất nông nghiệp có khả năng chống chịu giúp tăng năng suất và sản lượng, duy trì hệ sinh thái, tăng cường khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu và các thảm họa khác và dần dần cải tạo chất lượng đất đai (Mục tiêu 2.4 QG).								
10	Diện tích gieo trồng nông nghiệp áp dụng quy trình sản xuất an toàn	Chưa thống kê	Duy trì mức tăng hàng năm 10%	Duy trì mức tăng hàng năm 10-15%	Duy trì mức tăng hàng năm 10%	Đạt mục tiêu	10-15%	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
11	Diện tích nuôi trồng thủy sản áp dụng quy trình thực hành nuôi trồng thủy sản tốt và bền vững		16%	Duy trì mức tăng hàng năm 10%	23%	Chưa đạt mục tiêu	Duy trì mức tăng hàng năm 10%	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
Mục tiêu 3: Bảo đảm cuộc sống khỏe mạnh và tăng cường phúc lợi cho mọi người ở mọi lứa tuổi								
Mục tiêu 3.1: Đến năm 2030, giảm tỷ số tử vong mẹ, tử vong trẻ em dưới 1 tuổi và tử vong trẻ dưới 5 tuổi (Mục tiêu 3.1 QG).								
12	Tỷ số tử vong mẹ trên 100.000 trẻ đẻ sống	52,1	49,5	48	48	Đạt mục tiêu	< 48	
13	Tỷ lệ phụ nữ đẻ được cán bộ y tế đỡ	>95%	>95%	>98%	>98%	Đạt mục tiêu	>98%	

STT	Mục tiêu	Thực hiện 2018	Thực hiện 2019	Năm 2020			Kế hoạch 2021	Cơ quan chủ trì thực hiện
				Lộ trình	Thực hiện	Đánh giá thực hiện so với Lộ trình		
	- Số vụ tai nạn giao thông	181	165	Hàng năm giảm 5-10% so với năm trước	161	Giảm 10,3%. Đạt mục tiêu		
	- Số người chết do tai nạn giao thông	98	92	Hàng năm giảm 5-10% so với năm trước	94	Giảm 4,3% Chưa đạt mục tiêu		
	- Số người bị thương do tai nạn giao thông	153	132	Hàng năm giảm 5-10% so với năm trước	117	Giảm 16,67%. Đạt mục tiêu		
Mục tiêu 3.6: Đến năm 2030, đảm bảo tiếp cận toàn dân tới các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản và tình dục, bao gồm kế hoạch hóa gia đình, truyền thông và giáo dục; lồng ghép sức khỏe sinh sản vào các chiến lược, chương trình quốc gia có liên quan (Mục tiêu 3.6 QG).								
24	Tỷ lệ phụ nữ trong độ tuổi từ 15-49 tuổi áp dụng biện pháp tránh thai hiện đại	>75%	>75%	>75%	>75%	Đạt mục tiêu	>80%	Sở Y tế
25	Tỷ suất sinh trong độ tuổi từ 15-19 tuổi trên 1000 phụ nữ trong độ tuổi tương ứng	<35‰	<35‰	<35‰	<35‰	Đạt mục tiêu	<35‰	
Mục tiêu 3.7: Đạt được bao phủ chăm sóc sức khỏe toàn dân, bao gồm bảo vệ rủi ro tài chính, tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe, thuốc và vắc xin thiết yếu, an toàn, hiệu quả, chất lượng, trong khả năng chi trả cho tất cả mọi người (Mục tiêu 3.7 QG).								
26	Tỷ lệ hộ gia đình có chi phí y tế lớn so với tổng chi tiêu hoặc tổng thu nhập							Sở Y tế
	Tỷ lệ hộ gia đình có chi phí y tế \geq 25% tổng chi tiêu hộ gia đình	<2%	<2%	<2%	<2%	Đạt mục tiêu	<2%	
	Tỷ lệ hộ gia đình có chi phí y tế \geq 10% tổng chi tiêu hộ gia đình	<10%	<10%	<10%	<10%	Đạt mục tiêu	<10%	
27	Tỷ lệ bao phủ các dịch vụ y tế thiết yếu		>95%	>95%	>95%	Đạt mục tiêu		

STT	Mục tiêu	Thực hiện 2018	Thực hiện 2019	Năm 2020			Kế hoạch 2021	Cơ quan chủ trì thực hiện
				Lộ trình	Thực hiện	Đánh giá thực hiện so với Lộ trình		
Mục tiêu 3.9: Tăng cường thực hiện Công ước khung của Tổ chức Y tế Thế giới về kiểm soát thuốc lá (Mục tiêu 3.9 QG).								
28	Tỷ lệ nam giới sử dụng thuốc lá được chuẩn hoá theo tuổi trong những người từ 15 tuổi trở lên	<40%	<40%	40%	40%	Đạt mục tiêu	>40%	Sở Y tế
Mục tiêu 4: Đảm bảo nền giáo dục có chất lượng, công bằng, toàn diện và thúc đẩy các cơ hội học tập suốt đời cho tất cả mọi người.								
Mục tiêu 4.1: Đến năm 2030, đảm bảo tất cả các trẻ em gái và trai hoàn thành giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở miễn phí, công bằng, có chất lượng (Mục tiêu 4.1 QG)								
29	Tỷ lệ học sinh hoàn thành:							Sở Giáo dục và Đào tạo
	- Cấp tiểu học		100%	100%	100%	Đạt mục tiêu	100%	
	- Cấp trung học cơ sở		89%	89,5%	89,5%	Đạt mục tiêu		
Mục tiêu 4.2: Đến năm 2030, đảm bảo tất cả các trẻ em gái và trai được tiếp cận với phát triển, chăm sóc giai đoạn trẻ thơ và giáo dục mầm non có chất lượng để sẵn sàng bước vào cấp tiểu học (Mục tiêu 4.2 QG)								
30	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi được phát triển phù hợp về sức khỏe, học tập và tâm lý xã hội		39%	41%	32%	Chưa đạt		Sở Giáo dục và Đào tạo
31	Tỷ lệ huy động trẻ em 5 tuổi đi học mẫu giáo		100%	100%	100%	Đạt mục tiêu	100%	
Mục tiêu 4.3: Đến năm 2030, đảm bảo tiếp cận công bằng cho tất cả nam và nữ đối với giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học có chất lượng và trong khả năng chi trả (Mục tiêu 4.3 QG)								
32	Tỷ lệ người từ 15 tuổi trở lên đang học các chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng và đại học		80%	80%	80%	Đạt mục tiêu	>80%	Sở Giáo dục và Đào tạo
Mục tiêu 4.4: Đến năm 2030, tăng đáng kể số lao động có các kỹ năng phù hợp với nhu cầu thị trường lao động để có việc làm tốt và làm chủ doanh nghiệp (Mục tiêu 4.4 QG)								
33	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	64,05%	67,15%	70%	70,05%	Đạt mục tiêu	72%	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
34	Tỷ lệ lao động có các kỹ năng công nghệ thông tin	71%	73%	75%	75%	Đạt mục tiêu	77%	
Mục tiêu 4.5: Đến năm 2030, đảm bảo tiếp cận bình đẳng trong giáo dục và đào tạo, đào tạo nghề nghiệp cho những người dễ bị tổn thương, bao gồm cả những người khuyết tật, người dân tộc và trẻ em trong những hoàn cảnh dễ bị tổn thương (Mục tiêu 4.5 QG)								
35	Tỷ lệ lao động là người dân tộc thiểu số qua đào tạo	3%	4%	5%	5%	Đạt mục tiêu	6%	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
36	Tỷ lệ lao động là người khuyết tật	80%	80%	80%	80%	Đạt mục tiêu	80%	

STT	Mục tiêu	Thực hiện 2018	Thực hiện 2019	Năm 2020			Kế hoạch 2021	Cơ quan chủ trì thực hiện
				Lộ trình	Thực hiện	Đánh giá thực hiện so với Lộ trình		
	còn khả năng lao động được học nghề phù hợp							
Mục tiêu 4.6: Đến năm 2030, đảm bảo tất cả thanh niên và phần lớn người trưởng thành, cả nam giới và nữ giới, biết đọc, viết (Mục tiêu 4.6 QG)								
37	Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên biết chữ		100%	100%	100%	Đạt mục tiêu	100%	Sở Giáo dục và Đào tạo
Mục tiêu 4.7: Đến năm 2030, bảo đảm rằng tất cả những người học được trang bị những kiến thức và kỹ năng cần thiết để thúc đẩy phát triển bền vững (Mục tiêu 4.7 QG)								
38	Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo trở lên		99,9%	99,9%	73%	Ngày 1/7/2020 Luật Giáo dục năm 2019 có hiệu lực, trong đó có nội dung việc nâng chuẩn trình độ đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở		Sở Giáo dục và Đào tạo
39	Tỷ lệ trường có chương trình giáo dục cơ bản về giới tính, phòng chống bạo lực, xâm hại; cung cấp kiến thức về HIV		100%	100%	100%	Đạt mục tiêu	100%	Sở Giáo dục và Đào tạo
Mục tiêu 4.8: Xây dựng và nâng cấp các cơ sở giáo dục thân thiện với trẻ em, người khuyết tật và bình đẳng giới và cung cấp môi trường học tập an toàn, không bạo lực, toàn diện và hiệu quả cho tất cả mọi người (Mục tiêu 4.8 QG)								
40	Tỷ lệ cơ sở giáo dục mầm non có:							Sở Giáo dục và Đào tạo
	- Nước sạch		100%	100%	100%	Đạt mục tiêu	100%	
	- Công trình vệ sinh		100%	100%	100%	Đạt mục tiêu	100%	
	- Giáo dục vệ sinh đôi tay		100%	100%	100%	Đạt mục tiêu	100%	
	- Có điện lưới		100%	100%	100%	Đạt mục tiêu	100%	
	- Khai thác internet cho dạy học		100%	100%	100%	Đạt mục tiêu	100%	
- Sử dụng máy tính cho dạy học		100%	62%	100%	Chưa đạt	100%		
41	Tỷ lệ trường tiểu học có:							Sở Giáo dục và Đào tạo
	- Nước sạch		100%	100%	100%	Đạt mục tiêu	100%	
	- Công trình vệ sinh		100%	100%	100%	Đạt mục tiêu	100%	
	- Giáo dục vệ sinh		100%	100%	100%	Đạt mục tiêu	100%	

STT	Mục tiêu	Thực hiện 2018	Thực hiện 2019	Năm 2020			Kế hoạch 2021	Cơ quan chủ trì thực hiện
				Lộ trình	Thực hiện	Đánh giá thực hiện so với Lộ trình		
	đôi tay							
	- Có điện lưới		100%	100%	100%	Đạt mục tiêu	100%	
	- Khai thác internet cho dạy học		100%	100%	100%	Đạt mục tiêu	100%	
	- Sử dụng máy tính cho dạy học		100%	100%	100%	Đạt mục tiêu	100%	
42	Tỷ lệ trường trung học cơ sở có:							Sở Giáo dục và Đào tạo
	- Nước sạch		100%	95%	95%	Đạt mục tiêu		
	- Công trình vệ sinh		100%	100%	100%	Đạt mục tiêu	100%	
	- Giáo dục vệ sinh đôi tay		100%	97%	100%	Đạt mục tiêu	100%	
	- Có điện lưới		100%	100%	100%	Đạt mục tiêu	100%	
	- Khai thác internet cho dạy học		100%	98%	100%	Đạt mục tiêu	100%	
	- Sử dụng máy tính cho dạy học		100%	99%	100%	Đạt mục tiêu	100%	
43	Tỷ lệ trường trung học phổ thông có:							Sở Giáo dục và Đào tạo
	- Nước sạch		100%	100%	100%	Đạt mục tiêu	100%	
	- Công trình vệ sinh		100%	100%	100%	Đạt mục tiêu	100%	
	- Giáo dục vệ sinh đôi tay		100%	98,5%	100%	Đạt mục tiêu	100%	
	- Có điện lưới		100%	100%	100%	Đạt mục tiêu	100%	
	- Khai thác internet cho dạy học		100%	100%	100%	Đạt mục tiêu	100%	
	- Sử dụng máy tính cho dạy học		100%	100%	100%	Đạt mục tiêu	100%	
44	Tỷ lệ trường có cơ sở hạ tầng và tài liệu phù hợp với học sinh, sinh viên khuyết tật		65%	65%	65%	Đạt mục tiêu		Sở Giáo dục và Đào tạo
Mục tiêu 5: Đạt được bình đẳng về giới, tăng quyền và tạo cơ hội cho phụ nữ và trẻ em gái								
Mục tiêu 5.2: Giảm đáng kể mọi hình thức bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái nơi công cộng hoặc nơi riêng tư, bao gồm cả việc mua bán, bóc lột tình dục và các hình thức bóc lột khác (Mục tiêu 5.2 QG)								
45	Tỷ lệ phụ nữ bị bạo lực được phát hiện, hỗ trợ và can thiệp kịp thời	70%	70%	100%	100%	Đạt mục tiêu	100%	Sở Lao động – Thương binh và Xã hội
46	Tỷ lệ trẻ em gái bị bạo lực, xâm hại có thông báo, phát hiện được hỗ trợ, can thiệp kịp thời	100%	100%	100%	100%	Đạt mục tiêu	100%	Sở Lao động – Thương binh và Xã hội
Mục tiêu 5.3: Hạn chế tiến tới xóa bỏ các thủ tục như tảo hôn, kết hôn sớm và hôn nhân ép buộc (Mục tiêu 5.3 QG)								
47	Tỷ lệ phụ nữ từ 20-24 tuổi đã kết			Duy trì mức giảm hàng năm 4-5%				Ban Dân tộc

STT	Mục tiêu	Thực hiện 2018	Thực hiện 2019	Năm 2020			Kế hoạch 2021	Cơ quan chủ trì thực hiện
				Lộ trình	Thực hiện	Đánh giá thực hiện so với Lộ trình		
	hôn hoặc sống chung như vợ chồng lần đầu trước 15 tuổi, trước 18 tuổi							
48	Số cuộc tảo hôn	Duy trì mức giảm hàng năm 4-5%						Ban Dân tộc
Mục tiêu 5.4: Bảo đảm bình đẳng trong việc nội trợ và chăm sóc gia đình; công nhận việc nội trợ và các chăm sóc không được trả phí; tăng cường các dịch vụ công cộng, cơ sở hạ tầng và các chính sách bảo trợ xã hội, các dịch vụ hỗ trợ gia đình, chăm sóc trẻ em (Mục tiêu 5.4 QG)								
49	Tỷ lệ thời gian phụ nữ làm công việc nội trợ và chăm sóc gia đình không được trả công so với nam giới ⁽⁵²⁾	1,5 lần	1,5 lần	1,5 lần phụ nữ so với nam giới	1,5 lần	Đạt mục tiêu	1,5 lần	Sở Lao động, thương binh và xã hội
Mục tiêu 5.5: Đảm bảo sự tham gia đầy đủ, hiệu quả và cơ hội bình đẳng tham gia lãnh đạo của phụ nữ ở tất cả các cấp hoạch định chính sách trong đời sống chính trị, kinh tế và xã hội (Mục tiêu 5.5 QG)								
50	Tỷ lệ nữ đại biểu HĐND tỉnh		28%	28%	28%			Văn phòng HĐND Tỉnh
51	Tỷ lệ sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp có lãnh đạo chủ chốt là nữ.							Sở Nội vụ
	- Cấp sở, ban, ngành		40% ⁽⁵³⁾	63,15%	40%			
	- UBND cấp huyện		22% ⁽⁵⁴⁾	0	0			
52	Tỷ lệ nữ đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện, xã.							Sở Nội vụ
	- Cấp huyện		18,02%	19,43%	18,02%			
	- Cấp xã		24,47%	23,49%	24,47%			
Mục tiêu 5.8: Nâng cao việc sử dụng các công nghệ tạo thuận lợi, đặc biệt là công nghệ thông tin và truyền thông để thúc đẩy việc trao quyền cho phụ nữ. Tạo điều kiện cho phụ nữ được tiếp cận và sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông (Mục tiêu 5.8 QG)								
53	Tỷ lệ nữ sử dụng điện thoại di động		76%	77%	77%	Đạt mục tiêu		Sở Thông tin và Truyền thông
Mục tiêu 6: Đảm bảo đầy đủ và quản lý bền vững tài nguyên nước và hệ thống vệ sinh cho tất cả mọi người								
Mục tiêu 6.1: Đến năm 2030, đảm bảo khả năng tiếp cận đầy đủ và công bằng với nước uống và sinh hoạt an toàn, trong khả năng chi trả cho tất cả mọi người (Mục tiêu 6.1 QG)								

⁵² Phân đầu thực hiện theo Lộ trình thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững Việt Nam đến năm 2030 (ban hành theo Quyết định số 681/QĐ-TTg ngày 04/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ)

⁵³ Có 11/27 sở ban, ngành có cán bộ chủ chốt là nữ

⁵⁴ Có 02/9 huyện, thị, xã, thành phố có cán bộ chủ chốt là nữ

STT	Mục tiêu	Thực hiện 2018	Thực hiện 2019	Năm 2020			Kế hoạch 2021	Cơ quan chủ trì thực hiện
				Lộ trình	Thực hiện	Đánh giá thực hiện so với Lộ trình		
54a	Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch, hợp vệ sinh.		87,5%	90%	88%		90%	Sở Xây dựng
54b	Tỷ lệ dân số nông thôn được cung cấp nước sạch, hợp vệ sinh.	98,2%	99,5%	99,97%	99,97%	Đạt mục tiêu	100%	Sở Nông nghiệp và PTNT
Mục tiêu 6.3: Cải thiện chất lượng nước, kiểm soát được các nguồn gây ô nhiễm; chấm dứt việc sử dụng các loại hóa chất độc hại trong sản xuất công nghiệp, nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản gây ô nhiễm nguồn nước và làm suy giảm đa dạng sinh học (Mục tiêu 6.3 QG)								
55	Tỷ lệ nước thải đô thị được thu gom, xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn theo quy định		4,85%	4,85%	4,85%	Đạt mục tiêu	4,85%	Sở Xây dựng
56	Tỷ lệ khu công nghiệp đã đi vào hoạt động có nhà máy xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	100%	100%	100%	100%	Đạt mục tiêu	100%	Sở Tài nguyên và Môi trường
Mục tiêu 6.4: Đến năm 2030, tăng đáng kể hiệu quả sử dụng nước trong tất cả các lĩnh vực, đảm bảo nguồn cung nước sạch bền vững nhằm giải quyết tình trạng khan hiếm nước, giảm đáng kể số người chịu cảnh khan hiếm nước. Bảo đảm việc khai thác nước không vượt quá ngưỡng giới hạn khai thác đối với các sông, không vượt quá trữ lượng có thể khai thác đối với các tầng chứa nước (Mục tiêu 6.4 QG)								
57	Tỷ lệ hồ chứa lớn được kiểm soát, giám sát để bảo đảm duy trì dòng chảy tối thiểu của lưu vực sông		Hiện nay tất cả hồ chứa lớn đều được đơn vị quản lý giám sát và vận hành, điều tiết dòng chảy theo quy định	70%	Hiện nay tất cả hồ chứa lớn đều được đơn vị quản lý giám sát và vận hành, điều tiết dòng chảy theo quy định	Đạt mục tiêu	100%	Sở Tài nguyên và Môi trường
Mục tiêu 6.5: Đến năm 2030, thực hiện quản lý tổng hợp tài nguyên nước theo lưu vực sông (Mục tiêu 6.5 Quốc gia)								
58	Tỷ lệ lưu vực sông lớn, quan trọng có hệ thống quan trắc, giám sát tự động, trực tuyến		67%	30%	67%	Tỉnh Phú Yên có 03 sông lớn (Bàn Thạch, Kỳ Lộ, sông Ba), dự kiến Sông Kỳ Lộ, sông Ba đều lắp đặt trạm quan trắc tự động trong năm 2020	67%	Sở Tài nguyên và Môi trường

STT	Mục tiêu	Thực hiện 2018	Thực hiện 2019	Năm 2020			Kế hoạch 2021	Cơ quan chủ trì thực hiện
				Lộ trình	Thực hiện	Đánh giá thực hiện so với Lộ trình		
59	Tỷ lệ các hồ chứa lớn, quan trọng trên các lưu vực sông được vận hành theo quy chế phối hợp liên hồ chứa			Hiện nay tất cả hồ chứa lớn đều được đơn vị quản lý vận hành thực hiện nghiêm quy chế vận hành liên hồ Đạt mục tiêu			100%	
Mục tiêu 7: Đảm bảo khả năng tiếp cận nguồn năng lượng bền vững, đáng tin cậy và có khả năng chi trả cho tất cả mọi người								
Mục tiêu 7.1: Đến năm 2030 đảm bảo tiếp cận toàn dân đối với các dịch vụ năng lượng trong khả năng chi trả, đáng tin cậy và hiện đại (Mục tiêu 7.1 QG)								
60	Tỷ lệ hộ tiếp cận điện		99,99%	100%	100%	Đạt mục tiêu	100%	Sở Công Thương
Mục tiêu 7.3: Đến năm 2030, tăng gấp đôi tốc độ cải thiện hiệu quả sử dụng năng lượng; giảm tiêu thụ điện 10% so với kịch bản cơ sở (Mục tiêu 7.3 QG)								
61	Tiêu hao năng lượng so với GRDP		1-1,13%	Duy trì mức giảm từ 1-1,13% hàng năm	Duy trì mức giảm từ 1-1,13%	Đạt mục tiêu	Duy trì mức giảm từ 1-1,13%	Sở Công Thương
Mục tiêu 7.4: Đến năm 2030, mở rộng cơ sở hạ tầng và nâng cấp công nghệ để cung cấp dịch vụ năng lượng hiện đại và bền vững cho tất cả mọi người, đặc biệt cho các vùng kém phát triển, vùng sâu, vùng xa, vùng núi và hải đảo (Mục tiêu 7.4 QG)								
62	Công suất lắp đặt và sản lượng điện tái tạo							Sở Công Thương
	- Mặt trời (MW)		413,36	414,16	482,3	Đạt mục tiêu		
	- Gió (MW)		0	350	0	Chưa đạt mục tiêu		
	- Năng lượng sinh khối (MW)		30	30	30	Đạt mục tiêu		
	- Thủy điện (MW)		391	391	391	Đạt mục tiêu		
Mục tiêu 8: Đảm bảo tăng trưởng kinh tế bền vững, toàn diện, liên tục; tạo việc làm đầy đủ, năng suất và việc làm tốt cho tất cả mọi người								
Mục tiêu 8.1: Duy trì tăng trưởng GRDP bình quân đầu người và tăng trưởng GRDP hàng năm (Mục tiêu 8.1 QG)								
63	Tăng trưởng GRDP		8,32%	8,5%	3,69%	Không đạt		Sở Kế hoạch và Đầu tư
64	Tăng trưởng GRDP bình quân đầu người		8%	8%	4,2%	Không đạt		
Mục tiêu 8.2: Tăng năng suất lao động thông qua đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng, nâng cấp và đổi mới công nghệ, tập trung vào các ngành tạo giá trị tăng cao và sử dụng nhiều lao động (Mục tiêu 8.2 QG)								
65	Tốc độ tăng năng suất lao động		6%	Duy trì mức tăng hàng năm trên 6%	6%			Sở Kế hoạch và Đầu tư

STT	Mục tiêu	Thực hiện 2018	Thực hiện 2019	Năm 2020			Kế hoạch 2021	Cơ quan chủ trì thực hiện
				Lộ trình	Thực hiện	Đánh giá thực hiện so với Lộ trình		
Mục tiêu 8.5: Đến năm 2030, tạo việc làm đầy đủ, năng suất và việc làm tốt cho tất cả nam và nữ, bao gồm cả thanh niên, người khuyết tật và thù lao ngang bằng đối với các loại công việc như nhau (Mục tiêu 8.5 QG)								
66	Tỷ lệ thất nghiệp	2,0%	2,17%	2,0%	2,2%	Đạt mục tiêu	2,0%	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
67	Tỷ lệ thiếu việc làm	8%	8%	8%	8%	Đạt mục tiêu	8%	
Mục tiêu 8.6: Đến năm 2030, giảm đáng kể tỷ lệ thanh niên không có việc làm, không đi học hoặc đào tạo. (Mục tiêu 8.6 QG)								
68	Tỷ lệ người từ 15-30 tuổi không có việc làm, không đi học hoặc không được đào tạo	2,0%	2,0%	2,0%	2,0%	Đạt mục tiêu	2,0%	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
Mục tiêu 8.7: Thực hiện kịp thời và hiệu quả các biện pháp để xóa bỏ lao động ép buộc, chấm dứt nạn buôn người và nô lệ hiện đại; ngăn chặn và xóa bỏ lao động trẻ em dưới mọi hình thức (Mục tiêu 8.7 QG)								
69	Tỷ lệ lao động trẻ em và người chưa thành niên từ 5-17 tuổi	4%	4%	4%	4%	Đạt mục tiêu	4%	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
Mục tiêu 8.8: Bảo vệ quyền lao động; đảm bảo môi trường làm việc an toàn cho tất cả người lao động, đặc biệt là lao động nữ di cư và lao động làm trong khu vực phi chính thức (Mục tiêu 8.8 QG)								
70	Người chết, bị thương do tai nạn lao động							Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
	- Giảm tần suất tai nạn lao động hàng năm	5%	5%	5%	5%	Đạt mục tiêu	5%	
	- Giảm tần suất tai nạn lao động chết người hàng năm	5%	5%	5%	5%	Đạt mục tiêu	5%	
	- Giảm tần suất tai nạn lao động thương tật hàng năm	5%	5%	5%	5%	Đạt mục tiêu	5%	
Mục tiêu 8.9: Đến năm 2030, phát triển du lịch bền vững, tạo việc làm, tạo sản phẩm và dịch vụ du lịch có khả năng cạnh tranh với các nước trong khu vực và thế giới; thúc đẩy quảng bá văn hóa và sản phẩm địa phương (Mục tiêu 8.9 QG)								
71	Tỷ trọng doanh thu du lịch so với giá trị sản xuất toàn tỉnh (tính theo giá hiện hành) ⁽⁵⁵⁾ .		* ⁽⁵⁶⁾	7,2%	** ⁽⁵⁷⁾			Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

⁵⁵ Kế hoạch hành động của tỉnh Phú Yên thực hiện Chương trình nghị sự 2030 (ban hành theo Quyết định số 1273/QĐ-UBND ngày 21/6/2018 của UBND tỉnh)

⁵⁶ Tổng doanh thu trong hoạt động du lịch năm 2019 là 1.940 tỷ đồng, đạt 102,1%.

⁵⁷ Tổng doanh thu trong hoạt động du lịch năm 2020 là 678,07 tỷ đồng, đạt 30,2% so với kế hoạch

STT	Mục tiêu	Thực hiện 2018	Thực hiện 2019	Năm 2020			Kế hoạch 2021	Cơ quan chủ trì thực hiện
				Lộ trình	Thực hiện	Đánh giá thực hiện so với Lộ trình		
Mục tiêu 8.10: Tăng cường năng lực các thể chế tài chính trong nước nhằm khuyến khích và mở rộng khả năng tiếp cận các dịch vụ tài chính ngân hàng và bảo hiểm cho mọi người (Mục tiêu 8.10 QG)								
72	Số chi nhánh ngân hàng thương mại trên 100.000 người từ 15 tuổi trở lên có mặt trên địa bàn tỉnh Phú Yên		2,2	>2	2,01	Đạt mục tiêu		Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh Phú Yên
73	Số máy ATM trên 100.000 người từ 15 tuổi trở lên có mặt trên địa bàn tỉnh Phú Yên		15,4	>15	16,4	Đạt mục tiêu		Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh Phú Yên
74	Tỷ lệ người từ 15 tuổi trở lên có mặt trên địa bàn tỉnh Phú Yên có tài khoản thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức tài chính		>50%	>50%	71,4%	Đạt mục tiêu		
Mục tiêu 9: Xây dựng cơ sở hạ tầng có khả năng chống chịu cao, thúc đẩy công nghiệp hóa bao trùm và bền vững, tăng cường đổi mới								
Mục tiêu 9.1: Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông đồng bộ, chất lượng, đáng tin cậy, có khả năng chống chịu và bền vững, bao gồm cả cơ sở hạ tầng liên vùng để hỗ trợ phát triển kinh tế và chất lượng cuộc sống của người dân với mục tiêu tiếp cận công bằng và trong khả năng chi trả cho tất cả mọi người (Mục tiêu 9.1 QG)								
75	Số lượt hành khách vận chuyển và luân chuyển (Tốc độ tăng bình quân hằng năm trong giai đoạn 5 năm)		8,824 triệu lượt khách	Duy trì mức tăng hàng năm 8-11%	6,5 triệu lượt khách	Chưa đạt mục tiêu		Sở Giao thông vận tải
76	Khối lượng hàng hóa vận chuyển và luân chuyển (Tốc độ tăng bình quân hằng năm trong giai đoạn 5 năm)		17,321 triệu tấn hàng	Duy trì mức tăng hàng năm 6%-10%	18 triệu tấn hàng	Giảm 4%. Chưa đạt mục tiêu		
Mục tiêu 9.2: Đến năm 2030, thúc đẩy công nghiệp hóa bao trùm và bền vững; nâng cấp kết cấu hạ tầng và các ngành công nghiệp hỗ trợ hướng tới sự bền vững, tăng hiệu quả sử dụng nguồn lực và áp dụng công nghệ, quy trình sản xuất sạch và thân thiện với môi trường; tăng đáng kể tỷ lệ việc làm và tổng sản phẩm quốc nội của ngành công nghiệp (Mục tiêu 9.2 QG)								
77	Tốc độ tăng trưởng giá trị gia tăng công nghiệp chế biến, chế tạo		5,2%	5,2%	5,2%	Đạt mục tiêu		Sở Công Thương

STT	Mục tiêu	Thực hiện 2018	Thực hiện 2019	Năm 2020			Kế hoạch 2021	Cơ quan chủ trì thực hiện
				Lộ trình	Thực hiện	Đánh giá thực hiện so với Lộ trình		
78	Tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GRDP		15%	16%	16%	Đạt mục tiêu		
Mục tiêu 9.3: Tăng khả năng tiếp cận của các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ, đối với các dịch vụ ngân hàng, bao gồm cả dịch vụ tín dụng trong khả năng chi trả; tăng cường sự tham gia của doanh nghiệp vào thị trường và chuỗi giá trị (Mục tiêu 9.3 QG)								
79	Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cung ứng cho chuỗi sản phẩm sản xuất tại Việt Nam		75%	80%	80%	Đạt mục tiêu		Sở Công Thương
80	Số lượng doanh nghiệp vừa và nhỏ có dư nợ tại các tổ chức tín dụng		828	1.114	792			Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh Phú Yên
Mục tiêu 9.4: Tăng cường nghiên cứu khoa học, nâng cao năng lực công nghệ của các ngành công nghiệp, nông nghiệp; khuyến khích sáng chế phát minh; đến năm 2030 tăng đáng kể tỷ lệ người làm việc trong lĩnh vực nghiên cứu và triển khai; tăng đầu tư cho nghiên cứu và triển khai (Mục tiêu 9.4 QG)								
81	Chi cho nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ so với Chi thường xuyên		0,5-0,8%	0,8%	0,5-0,8% ⁽⁵⁸⁾	Đạt mục tiêu		Sở Khoa học và Công nghệ
Mục tiêu 9.5: Đến năm 2030, đảm bảo phát triển hạ tầng công nghệ thông tin đến từng địa bàn, đặc biệt là miền núi, vùng sâu, vùng xa, hải đảo; đảm bảo 100% hộ gia đình có khả năng tiếp cận hệ thống thông tin truyền thông (Mục tiêu 9.5 QG)								
82	Tỷ lệ dân số được phủ sóng di động		100%	100%	100%	Đạt mục tiêu		Sở Thông tin và Truyền thông
Mục tiêu 10: Giảm bất bình đẳng trong xã hội								
Mục tiêu 10.1: Đến năm 2030, dần đạt được và duy trì tốc độ tăng thu nhập của nhóm 40% dân số thu nhập thấp nhất cao hơn tốc độ tăng bình quân quốc gia (Mục tiêu 10.1 QG)								
83	Tốc độ tăng trưởng thu nhập của 40% dân số có thu nhập thấp nhất so với tốc độ tăng thu nhập		90%	90%	90%	Đạt mục tiêu		Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

⁵⁸ Tổng chi ngân sách nhà nước cho sự nghiệp KH&CN giai đoạn ổn định ngân sách năm 2020 là 19.596 triệu đồng.

STT	Mục tiêu	Thực hiện 2018	Thực hiện 2019	Năm 2020			Kế hoạch 2021	Cơ quan chủ trì thực hiện
				Lộ trình	Thực hiện	Đánh giá thực hiện so với Lộ trình		
	trung bình của hộ gia đình ⁽⁵⁹⁾							
Mục tiêu 11: Phát triển đô thị, nông thôn bền vững, có khả năng chống chịu; đảm bảo môi trường sống và làm việc an toàn; phân bổ hợp lý dân cư và lao động theo vùng								
Mục tiêu 11.1: Đến năm 2030, đảm bảo tất cả mọi người dân được tiếp cận với những dịch vụ cơ bản và dịch vụ nhà ở phù hợp, an toàn, trong khả năng chi trả; xóa bỏ các khu ổ chuột, xây mới, nâng cấp, cải tạo các khu nhà ở không đảm bảo chất lượng (Mục tiêu 11.1 QG)								
84	Tỷ lệ dân số sống trong nhà ở đơn sơ		1,1%	1%	1%	Đạt mục tiêu	1%	Sở Xây dựng
Mục tiêu 11.5: Đến năm 2030, giảm đáng kể số người chết và bị ảnh hưởng và giảm đáng kể thiệt hại kinh tế trực tiếp do thiên tai, thảm họa gây ra so với GRDP, chú trọng bảo vệ người nghèo và người dễ bị tổn thương (Mục tiêu 11.5 QG)								
85	Số người chết, mất tích, bị thương do thiên tai trên 100.000 dân	<200	<200	<200	<200	Đạt mục tiêu	<170	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
Mục tiêu 11.6: Giảm tác động có hại của môi trường tới con người tại các đô thị, tăng cường quản lý chất lượng không khí, chất thải đô thị và các nguồn chất thải khác (Mục tiêu 11.6 QG)								
86	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn theo quy định		93%	95% ⁽⁶⁰⁾	93%		95%	Sở Xây dựng
Mục tiêu 11.9: Đến năm 2030, tăng đáng kể số đô thị và khu dân cư áp dụng quy hoạch và chính sách tích hợp. Phát triển nông thôn bền vững, đảm bảo hài hòa các khía cạnh phát triển kinh tế; đô thị hóa; bao trùm; bảo vệ môi trường sinh thái; xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân nông thôn xét trên các khía cạnh kinh tế, văn hóa, xã hội, môi trường và dân chủ (Mục tiêu 11.9 và 11.10 QG).								
87	Quy hoạch chung đô thị được lồng ghép các mục tiêu tăng trưởng xanh và biến đổi khí hậu		10%	20%	20%	Đạt mục tiêu	20%	Sở Xây dựng
Mục tiêu 12: Đảm bảo mô hình sản xuất và tiêu dùng bền vững								
Mục tiêu 12.4: Đến năm 2020, đạt quản lý tốt vòng đời của các loại hóa chất và chất thải theo các cam kết quốc tế đã ký kết, nhằm giảm ô nhiễm môi trường đất, nước, không khí và tác động có hại đến sức khỏe con người và môi trường (Mục tiêu 12.4 QG)								
88	Tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý (08 cơ sở)	62,5%	75%	100%	75%	Không đạt	100%	Sở Tài nguyên và Môi trường

⁵⁹ Phân đầu thực hiện theo Lộ trình thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững Việt Nam đến năm 2030 (ban hành theo Quyết định số 681/QĐ-TTg ngày 04/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ)

⁶⁰ Hiện nay Sở Xây dựng đã có văn bản số 2034/SXD-QLN ngày 01/11/2020 đề xuất điều chỉnh chỉ tiêu này đối với Lộ trình năm 2020 là 93%.

STT	Mục tiêu	Thực hiện 2018	Thực hiện 2019	Năm 2020			Kế hoạch 2021	Cơ quan chủ trì thực hiện
				Lộ trình	Thực hiện	Đánh giá thực hiện so với Lộ trình		
89	Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại phát sinh từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, cơ sở y tế, làng nghề được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường	100%	100%	100%	100%	Đạt mục tiêu		
Mục tiêu 12.5: Giảm đáng kể lượng chất thải phát sinh, tăng cường giá trị kinh tế của nguồn tài nguyên chất thải thông qua việc phòng ngừa, giảm thiểu, tái chế và tái sử dụng, thu hồi năng lượng từ xử lý chất thải (Mục tiêu 12.5 QG)								
90	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được xử lý bằng phương pháp chôn lấp trực tiếp so với lượng chất thải được thu gom		100%	100%	100%	Đạt mục tiêu	100%	Sở Xây dựng
Mục tiêu 13: Ứng phó kịp thời, hiệu quả với biến đổi khí hậu và thiên tai								
Mục tiêu 13.1: Tăng cường khả năng chống chịu và thích nghi với rủi ro liên quan tới biến đổi khí hậu, ứng phó với thiên tai và các thảm họa tự nhiên khác (Mục tiêu 13.1 QG)								
91	Thực hiện Kế hoạch hành động thực hiện Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu	Thực hiện theo Kế hoạch đã được UBND tỉnh ban hành tại Quyết định số 2216/QĐ-UBND ngày 13/11/2017					Tiếp tục duy trì thực hiện	Sở Tài nguyên và Môi trường
Mục tiêu 13.3: Giáo dục, nâng cao nhận thức, năng lực và thể chế trong cảnh báo sớm, ứng phó với biến đổi khí hậu và giảm nhẹ rủi ro thiên tai (Mục tiêu 13.3 QG)								
92	Tỷ lệ dân số được phổ biến kiến thức về phòng, chống lụt bão và giảm nhẹ rủi ro thiên tai	70%	70%	70%	70%	Đạt mục tiêu	75%	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
Mục tiêu 14: Bảo tồn và sử dụng bền vững đại dương, biển và nguồn lợi biển để phát triển bền vững								
Mục tiêu 14.1: Đến năm 2030, ngăn ngừa, giảm đáng kể và kiểm soát được các loại ô nhiễm biển, đặc biệt là từ các hoạt động trên đất liền, chú ý tới các chất thải rắn, nước thải và ô nhiễm chất hữu cơ (Mục tiêu 14.1 QG)								
93	Tỷ lệ điểm quan trắc chất lượng nước biển ven bờ đạt yêu cầu của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các thông số:							
	- Ô nhiễm chất hữu cơ (N-NH4+)	46,3%	46,3%	100%	46,3%	Không đạt	30/54 điểm	

STT	Mục tiêu	Thực hiện 2018	Thực hiện 2019	Năm 2020			Kế hoạch 2021	Cơ quan chủ trì thực hiện
				Lộ trình	Thực hiện	Đánh giá thực hiện so với Lộ trình		
	- Tổng dầu mỡ	Chưa thực hiện do tình hình thực tế chưa cấp bách và chưa có trong quy hoạch mạng lưới quan trắc					100%	
Mục tiêu 14.3: Giảm thiểu và xử lý tác động của a-xít hóa đại dương, ưu tiên việc tăng cường hợp tác khoa học ở tất cả các cấp trong bối cảnh biến đổi khí hậu (Mục tiêu 14.3 QG)								
94	Tỷ lệ điểm quan trắc biển xa bờ có độ axit (pH) trung bình đạt quy chuẩn kỹ thuật	Chưa thực hiện do tình hình thực tế chưa cấp bách và chưa có trong mạng lưới quan trắc						Sở Tài nguyên và Môi trường
Mục tiêu 14.4: Đến năm 2020, quản lý một cách hiệu quả hoạt động khai thác, chấm dứt việc khai thác hải sản quá mức, các hoạt động khai thác hải sản bất hợp pháp, không được báo cáo hoặc không theo quy định và những hoạt động khai thác hải sản mang tính hủy diệt; thực hiện các kế hoạch quản lý khoa học để phục hồi trữ lượng hải sản trong thời gian ngắn nhất có thể, tối thiểu là ở mức có thể đạt được sản lượng bền vững tối đa theo những đặc điểm sinh học của chúng (Mục tiêu 14.4 QG)								
95	Số lượng các vụ khai thác hải sản bất hợp pháp	0	0	Cơ bản không có các vụ khai thác hải sản bất hợp pháp	0	Đạt mục tiêu	Không có các vụ khai thác hải sản bất hợp pháp	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
Mục tiêu 14.5: Đến năm 2030, diện tích các khu bảo tồn biển và ven biển đạt 3-5% diện tích tự nhiên dựa trên cơ sở khoa học và phù hợp với luật pháp quốc gia và quốc tế. (Mục tiêu 14.5 QG).								
96	Tỷ lệ diện tích các khu vực bảo tồn biển so với diện tích tự nhiên vùng ven bờ từ 6 hải lý trở vào.	Chưa có	0	2,04%	0 ⁽⁶¹⁾		2,04%	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
Mục tiêu 15: Bảo vệ và phát triển rừng bền vững hướng đến cấp chứng chỉ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học, phát triển dịch vụ hệ sinh thái, chống sa mạc hoá, ngăn chặn suy thoái và phục hồi tài nguyên đất								
Mục tiêu 15.2: Đến năm 2020, giảm cơ bản việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất rừng sang mục đích khác; đến năm 2030, tăng cường thực hiện quản lý bền vững các loại rừng, ngăn chặn chặt phá rừng, phục hồi rừng đã suy thoái, đẩy mạnh trồng và tái sinh rừng, hướng đến cấp chứng chỉ rừng, đưa độ che phủ rừng lên khoảng 45% (Mục tiêu 15.2 QG)								
97	Tỷ lệ che phủ rừng	43,2%	44,24%	45%	45%	Đạt mục tiêu	46%	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
97a	Cấp chứng chỉ quản lý rừng bền		9549,51ha	Trên 80%	9549,51ha	Đạt mục tiêu	Duy trì và phát	Sở Nông

⁶¹ Đang triển khai thực hiện Đề án Bảo vệ, bảo tồn đa dạng sinh học, cảnh quan môi trường Quần thể Hòn Yến (xã An Hòa, huyện Tuy An) đến năm 2025, tầm nhìn 2035.

STT	Mục tiêu	Thực hiện 2018	Thực hiện 2019	Năm 2020			Kế hoạch 2021	Cơ quan chủ trì thực hiện
				Lộ trình	Thực hiện	Đánh giá thực hiện so với Lộ trình		
	vững (theo Đề án Quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng).			diện tích rừng trồng của các doanh nghiệp trồng rừng			triển diện tích rừng trồng của các doanh nghiệp trồng rừng đã được cấp chứng chỉ rừng	ngành và Phát triển nông thôn
Mục tiêu 15.6 : Đảm bảo chia sẻ công bằng và bình đẳng lợi ích từ việc sử dụng các nguồn gen và tăng cường tiếp cận hợp lý các nguồn gen theo cam kết quốc tế (Mục tiêu 15.6 QG)								
98	Tỉnh có kế hoạch tham gia vào hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về nguồn gen và tri thức truyền thống về nguồn gen			Thực hiện theo quy định của Trung ương				Sở Tài nguyên và Môi trường
Mục tiêu 15.7: Ngăn chặn và xử lý các hành động khai thác, buôn bán và tiêu thụ trái phép các loài động, thực vật hoang dã có nguy cơ tuyệt chủng và các sản phẩm của chúng (Mục tiêu 15.7 QG)								
99	Số vụ mua bán, săn bắt, vận chuyển, buôn bán, tàng trữ bất hợp pháp động vật hoang dã được phát hiện	0	0	Không tăng so với năm 2019	0	Đạt mục tiêu	Không tăng so với năm 2019	
Mục tiêu 15.8: Đến năm 2020, có biện pháp hiệu quả để ngăn ngừa, kiểm soát và phòng trừ các loài sinh vật ngoại lai xâm hại đối với các hệ sinh thái đất và nước; tăng cường quản lý an toàn sinh học đối với sinh vật biến đổi gen (Mục tiêu 15.8 QG)								
100	Tổ chức thực hiện tốt Chương trình kiểm soát đối với loài ngoại lai xâm hại được trung ương và địa phương ban hành.			Tổ chức thực hiện theo Chương trình, hướng dẫn địa phương triển khai thực hiện định kỳ hàng năm				Sở Tài nguyên và Môi trường
Mục tiêu 16: Thúc đẩy xã hội hoà bình, công bằng, bình đẳng vì phát triển bền vững, tạo khả năng tiếp cận công lý cho tất cả mọi người; xây dựng các thể chế hiệu quả, có trách nhiệm giải trình, có sự tham gia ở các cấp								
Mục tiêu 16.5 . Giảm đáng kể mọi loại hình tham nhũng và hối lộ (Mục tiêu 16.5 QG)								
101	Tỷ lệ người dân		<20%	<18%	<20%		<20%	Thanh

STT	Mục tiêu	Thực hiện 2018	Thực hiện 2019	Năm 2020			Kế hoạch 2021	Cơ quan chủ trì thực hiện
				Lộ trình	Thực hiện	Đánh giá thực hiện so với Lộ trình		
	có ít nhất một lần trong vòng 12 tháng qua liên hệ, chủ động đưa tiền, quà cho cán bộ công quyền							tra Tỉnh
102	Tỷ lệ người dân có ít nhất một lần trong vòng 12 tháng qua liên hệ với cán bộ công quyền bị cán bộ công quyền gợi ý đòi hối lộ		<34%	<30%	<34%		<34%	
103	Tỷ lệ doanh nghiệp ít nhất một lần trong vòng 12 tháng qua đã liên hệ và đưa hối lộ cho cán bộ công quyền		<55%	<50%	<55%		<55%	
104	Tỷ lệ doanh nghiệp ít nhất một lần trong vòng 12 tháng qua đã liên hệ với cán bộ công quyền bị cán bộ công quyền đòi hối lộ		<25%	<20%	<25%		<25%	
Mục tiêu 16.6 Xây dựng các thể chế minh bạch, hiệu quả và có trách nhiệm giải trình ở tất cả các cấp (Mục tiêu 16.6QG)								
105	Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS)		84,54%	87%	*** ⁽⁶²⁾			Sở Nội vụ
Mục tiêu 16.8 : Đến năm 2030, cấp nhận dạng pháp lý cho tất cả mọi người, gồm cả đăng ký khai sinh (Mục tiêu 16.8 QG)								
106	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi đã được đăng ký khai sinh		95%	97%	97%	Đạt mục tiêu		Sở Tư pháp
Mục tiêu 16.9 : Đảm bảo mọi người dân được tiếp cận thông tin và bảo vệ các quyền tự do cơ bản theo pháp luật Việt Nam và các hiệp ước quốc tế Việt Nam đã ký kết (Mục tiêu 16.9 QG)								
107	Tỷ lệ người dân tiếp cận thông tin và các văn bản hướng dẫn thi hành được ban hành và thực hiện		>70%	>70%	>70%	Đạt mục tiêu		Sở Tư pháp

⁶² Năm 2021 Bộ Nội vụ mới công bố chỉ số SIPAS của năm 2020

STT	Mục tiêu	Thực hiện 2018	Thực hiện 2019	Năm 2020			Kế hoạch 2021	Cơ quan chủ trì thực hiện
				Lộ trình	Thực hiện	Đánh giá thực hiện so với Lộ trình		
108	Tỷ lệ cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật		>90%	>95%	>90%			
Mục tiêu 17: Tăng cường phương thức thực hiện và thúc đẩy đối tác toàn cầu vì sự phát triển bền vững								
Mục tiêu 17.1: Nâng cao chất lượng và giá trị gia tăng trong xuất khẩu (Mục tiêu 17.2 QG)								
109	Tỷ lệ tăng trưởng giá trị xuất khẩu hàng hóa		12,6%	Duy trì mức tăng hàng năm trên 11%	12,7%	Không đạt mục tiêu		Sở Công Thương